

**Phần I**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020**

**I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020**

**1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất so với kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được phê duyệt:**

Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020 dựa trên cơ sở xác định, đánh giá các công trình dự án đã được bồi thường, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất,... đã thực hiện trong năm 2020. Trên cơ sở so sánh với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Gò Công Đông đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4686/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019. Và đạt kết quả cụ thể như sau:

**Bảng 1: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020**

*Đơn vị tính: ha*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2019 (ha)	Diện tích kết quả thực hiện năm 2020 (ha)	Diện tích Kế hoạch được duyệt năm 2020 (ha)	So sánh			
						Năm 2020 so với năm 2019		Năm 2020 so với KH được duyệt	
						Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)	Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(4)	(8)=(5)/(4)*100%	(9)=(5)-(6)	(10)=(5)/(6)*100%
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>30.111,25</b>	<b>30.111,25</b>	<b>27.324,33</b>		<b>100,00</b>	<b>2.786,92</b>	<b>110,20</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>18.844,82</b>	<b>18.830,68</b>	<b>18.721,69</b>	<b>-14,14</b>	<b>99,92</b>	<b>108,99</b>	<b>100,58</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	9.283,43	9.264,34	10.373,87	-19,09	99,79	-1.109,53	89,30
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>9.283,43</i>	<i>9.264,34</i>	<i>10.373,87</i>	<i>-19,09</i>	<i>99,79</i>	<i>-1.109,53</i>	<i>89,30</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3.397,42	3.395,32	2.388,51	-2,10	99,94	1.006,81	142,15
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.436,88	2.444,25	2.326,93	7,37	100,30	117,32	105,04
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	430,00	430,00	320,12			109,88	134,32
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	-	-	-				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	3.293,46	3.290,14	3.308,25	-3,32	99,90	-18,11	99,45
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	3,62	6,63	4,02	3,01	183,05	2,62	165,15
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>7.058,97</b>	<b>7.073,11</b>	<b>7.195,08</b>	<b>14,14</b>	<b>100,20</b>	<b>-121,98</b>	<b>98,30</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	111,74	111,74	111,74		100,00	0,00	100,00
2.2	Đất an ninh	CAN	2,00	2,00	2,00		100,00		100,00
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	289,90	289,90	284,15			5,75	102,02
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	-	-	-				
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	50,00	50,00	111,75		100,00	-61,75	44,74
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	94,32	94,32	96,65		100,00	-2,33	97,59
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	39,42	39,42	106,77		100,00	-67,35	36,92
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-				
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	<b>649,17</b>	<b>654,09</b>	<b>1.254,99</b>	<b>4,91</b>	<b>100,76</b>	<b>-600,90</b>	<b>52,12</b>
2.9.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	4,93	5,19	6,74	0,26	105,27	-1,54	77,09

**Báo cáo tóm tắt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Gò Công Đông**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2019 (ha)	Diện tích kết quả thực hiện năm 2020 (ha)	Diện tích Kế hoạch được duyệt năm 2020 (ha)	So sánh			
						Năm 2020 so với năm 2019		Năm 2020 so với KH được duyệt	
						Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)	Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(4) -(4)	(8)=(5)/(4) )*100%	(9)=(5)-(6)	(10)=(5)/(6) *100%
2.9.2	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	-	-	-				
2.9.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,03	4,03	4,03		100,00	0,00	100,00
2.9.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	34,62	34,87	36,04	0,25	100,72	-1,17	96,76
2.9.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	10,30	8,43	9,06	-1,87	81,88	-0,63	93,06
2.9.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-	-				
2.9.7	Đất giao thông	DGT	524,02	530,38	470,47	6,36	101,21	59,92	112,74
2.9.8	Đất thủy lợi	DTL	67,21	67,12	724,95	-0,09	99,87	-657,83	9,26
2.9.9	Đất công trình năng lượng	DNL	0,25	0,25	0,19		100,00	0,06	130,18
2.9.10	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,57	0,57	0,51		100,00	0,06	111,70
2.9.11	Đất chợ	DCH	3,06	3,06	3,01		100,00	0,05	101,71
2.9.12	Đất công trình công cộng khác	DCK	0,19	0,19	-		100,00	0,19	
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	2,41	2,41	5,93		100,00	-3,52	40,71
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-				
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	2,45	2,45	2,45		100,00	0,00	100,00
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	742,81	751,70	756,04	8,89	101,20	-4,34	99,43
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	87,00	87,37	84,50	0,37	100,42	2,87	103,40
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	9,91	9,79	11,23	-0,12	98,79	-1,44	87,15
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,69	0,81	0,32	0,12	117,34	0,49	251,58
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-				
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	12,29	12,29	11,80		100,00	0,49	104,19
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	109,90	109,90	107,88		100,00	2,03	101,88
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	-	-	-				
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	3,52	3,51	3,26	-0,01	99,73	0,25	107,54
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	9,58	9,58	9,58		100,00	0,00	100,00
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	12,58	12,55	12,50	-0,03	99,76	0,05	100,43
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	4.825,08	4.825,08	4.218,79		100,00	606,29	114,37
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	-	-	-				
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	4,18	4,18	2,74		100,00	1,44	152,58
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>4.207,46</b>	<b>4.207,46</b>	<b>1.407,55</b>		<b>100,00</b>	<b>2.799,91</b>	<b>298,92</b>

*Nguồn: Kết quả Kiểm kê đất đai 2019, kết quả thực hiện KHSDĐ năm 2020 và KHSDĐ được duyệt năm 2020 của huyện Gò Công Đông.*

**1.1. Biến động diện tích tự nhiên của huyện Gò Công Đông.**

Tổng diện tích tự nhiên của huyện năm 2015 là 27.324,33 ha, đến kiểm kê đất đai 2019 là 30.111,25 ha, cao hơn so với kiểm kê đất năm 2015 là 2.786,92 ha. Nguyên nhân tăng chủ yếu là thực hiện theo quy định tại Thông tư số 27

ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, nên số liệu kiểm kê đất đai năm 2019 được tổng hợp thống nhất từ bản đồ đã sử dụng để điều tra, khoanh vẽ đối với từng loại đất của từng loại đối tượng sử dụng đất. Do đó, trong kiểm kê đất đai 2019 đã đo đạc lại bản đồ địa chính chính quy phần đất được phù sa bồi đắp khu vực cồn Ông Mão thuộc xã Tân Thành huyện Gò Công Đông, diện tích tăng lên 2.786,92 ha, chủ yếu là đất bằng chưa sử dụng.

## **1.2. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp**

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện được duyệt, diện tích đất nông nghiệp là 18.721,69 ha. Thực hiện trong năm 2020 là 18.830,68 ha, cao hơn chỉ tiêu được duyệt 108,99 ha, đạt tỷ lệ 100,58%. Chi tiết các loại đất như sau:

**1.2.1. Đất chuyên trồng lúa nước:** Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt, diện tích đất trồng lúa là 10.373,87 ha. Diện tích hiện trạng năm 2020 là 9.264,34 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 1.109,53 ha, đạt tỷ lệ 89,30%.

Trong công tác kiểm kê đất đai 2019 đã xác định lại diện tích đất trồng lúa theo đúng mục đích hiện trạng sử dụng thì loại đất này giảm 1.328,24 ha, đến năm KHSDĐ 2020 diện tích loại đất này dự kiến sẽ giảm 237,80 ha, nhưng thực hiện trong năm 2020 chỉ giảm được 19,09 ha. Do đó diện tích đất trồng lúa năm 2020 giảm 1.109,53 ha và thấp hơn kế hoạch đề ra.

Trong năm KHSDĐ 2020 diện tích đất trồng lúa giảm 19,09 ha do chuyển sang các loại đất sau: Chuyển sang đất trồng cây lâu năm 10,14 ha do phát triển mạnh về các loại rau màu, thanh long trên địa bàn các xã Tân Phước, Tân Đông, Phước Trung, Bình Nghị, Tân Thành, Kiểng Phước, Tân Điền, Bình Ân ..., chuyển sang đất giao thông 5,01 ha, chuyển sang đất ở nông thôn là 3,84 ha, chuyển sang đất ở đô thị 0,11 ha.

**1.2.2. Đất trồng cây hàng năm khác:** Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt, diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 2.388,51 ha. Diện tích hiện trạng năm 2020 là 3.395,32 ha, cao hơn chỉ tiêu được duyệt 1.006,81 ha, đạt tỷ lệ 142,15%.

Trong công tác kiểm kê đất đai 2019 đã xác định lại diện tích đất trồng cây hàng năm khác theo đúng mục đích hiện trạng sử dụng thì loại đất này tăng 1.102,93 ha, đến năm KHSDĐ 2020 diện tích loại đất này dự kiến sẽ tăng 94,02 ha, nhưng thực hiện trong năm 2020 lại giảm 2,10 ha. Do đó diện tích đất trồng cây hàng năm khác năm 2020 giảm 1.006,81 ha và cao hơn kế hoạch đề ra.

Trong năm KHSDĐ 2020 diện tích đất trồng cây hàng năm khác giảm 2,10 ha do chuyển sang các loại đất sau: Chuyển sang đất giao thông 0,53 ha, chuyển sang đất ở nông thôn là 1,46 ha, chuyển sang đất ở đô thị 0,12 ha.

**1.2.3. Đất trồng cây lâu năm:** Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt, diện tích đất trồng cây lâu năm là 2.326,93 ha. Diện tích hiện trạng

năm 2020 là 2.444,25 ha, cao hơn chỉ tiêu được duyệt 117,32 ha, đạt tỷ lệ 105,04%.

Trong công tác kiểm kê đất đai 2019 đã xác định lại diện tích đất trồng cây lâu năm theo đúng mục đích hiện trạng sử dụng thì loại đất này tăng 216,82 ha, đến năm KHSDĐ 2020 diện tích loại đất này dự kiến sẽ tăng 106,87 ha, nhưng thực hiện trong năm 2020 chỉ tăng được 7,37 ha. Do đó diện tích đất trồng cây lâu năm năm 2020 tăng 117,32 ha và cao hơn kế hoạch đề ra.

Trong năm KHSDĐ 2020 diện tích đất trồng cây lâu năm giảm 2,77 ha do chuyển sang các loại đất sau: Chuyển sang đất giao thông 0,67 ha, chuyển sang đất ở nông thôn là 1,96 ha, chuyển sang đất ở đô thị 0,15 ha. Ngoài ra trong năm 2020 đất trồng cây lâu năm cũng có tăng 10,14 ha do chuyển từ đất trồng lúa, tập trung nhiều ở các xã Kiểng Phước, Tân Điền, Tân Tây, Bình Ân.... Vì vậy, diện tích đất trồng cây lâu năm năm 2020 thực tăng so với năm 2019 là 7,37 ha.

**1.2.4. Đất rừng phòng hộ:** Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt, diện tích đất trồng rừng là 320,12 ha. Diện tích hiện trạng năm 2020 là 430 ha, cao hơn chỉ tiêu được duyệt 109,88 ha, đạt tỷ lệ 134,32%.

Trong công tác kiểm kê đất đai 2019 đã xác định lại diện tích đất trồng rừng theo đúng mục đích hiện trạng sử dụng thì loại đất này giảm 8,31 ha, đến năm KHSDĐ 2020 diện tích loại đất này dự kiến sẽ giảm thêm 118,19 ha do thực hiện công trình CCN Gia Thuận 2 (61,75 ha) và Tổng kho xăng dầu - khí hoá lỏng (56,44 ha), tuy nhiên trong năm 2020 vẫn chưa thực hiện được. Do đó diện tích đất trồng rừng năm 2020 tăng 109,88 ha và cao hơn kế hoạch đề ra.

**1.2.5. Đất nuôi trồng thủy sản:** Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt, diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 3.308,25 ha. Diện tích hiện trạng năm 2020 là 3.290,14 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 18,11 ha, đạt tỷ lệ 99,45%.

Trong công tác kiểm kê đất đai 2019 đã xác định lại diện tích đất nuôi trồng thủy sản theo đúng mục đích hiện trạng sử dụng thì loại đất này giảm 32,80 ha, đến năm KHSDĐ 2020 diện tích loại đất này dự kiến sẽ giảm 15 ha, nhưng thực hiện trong năm 2020 chỉ giảm được 0,31 ha. Do đó diện tích đất trồng nuôi trồng thủy sản năm 2020 giảm 18,11 ha và thấp hơn kế hoạch đề ra.

Trong năm KHSDĐ 2020 diện tích đất nuôi trồng thủy sản giảm 0,31 ha do chuyển sang các loại đất sau: Chuyển sang đất giao thông 0,09 ha, chuyển sang đất ở nông thôn là 0,22 ha.

**1.2.6. Đất nông nghiệp khác:** Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt, diện tích đất nông nghiệp khác là 4,20 ha. Diện tích hiện trạng năm 2020 là 6,63 ha, cao hơn chỉ tiêu được duyệt 2,62 ha, đạt tỷ lệ 165,15%.

Trong công tác kiểm kê đất đai 2019 đã xác định lại diện tích đất nông nghiệp khác theo đúng mục đích hiện trạng sử dụng thì loại đất này tăng 3,62 ha, đến năm KHSDĐ 2020 diện tích loại đất này dự kiến sẽ tăng 4,02 ha do quy hoạch vùng nuôi chim yến trên địa bàn các xã: Kiểng Phước, Bình Nghị, Bình

Ân, Tân Đông, Phước Trung, Tăng Hòa, tuy nhiên trong năm 2020 chỉ thực hiện được 3,00 ha do chuyển mục đích sử dụng đất khu nuôi gia cầm, gia súc và chim yến trên địa bàn xã Kiềng Phước (3,0 ha). Do đó diện tích đất nông nghiệp khác năm 2020 tăng 2,62 ha và cao hơn kế hoạch đề ra.

### **1.3. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp**

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện được duyệt, diện tích đất phi nông nghiệp là 7.195,08 ha. Thực hiện trong năm 2020 là 7.073,11 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 121,97 ha, đạt tỷ lệ 98,30%. Chi tiết các loại đất như sau:

**1.3.1. Đất quốc phòng:** Theo kế hoạch được duyệt năm 2020 diện tích đất quốc phòng là 111,74 ha. Thực hiện trong năm 2020 là 111,74 ha, đạt tỷ lệ 100%, diện tích đất quốc phòng sử dụng ổn định và phù hợp với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

**1.3.2. Đất an ninh:** Theo kế hoạch được duyệt năm 2020 diện tích đất an ninh là 2 ha. Thực hiện trong năm 2020 là 2 ha, đạt tỷ lệ 100%, diện tích đất an ninh sử dụng ổn định và phù hợp với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

**1.3.3. Đất khu công nghiệp:** Theo kế hoạch được duyệt năm 2020 diện tích đất khu công nghiệp là 284,15 ha. Thực hiện trong năm 2020 là 289,90 ha, cao hơn chỉ tiêu được duyệt 5,75 ha, đạt tỷ lệ 102,02%.

Trong năm KHSDĐ 2020 diện tích đất khu công nghiệp sử dụng ổn định, phần diện tích tăng 5,75 ha do công tác kiểm kê đất đai 2019 đã xác định lại diện tích đất theo đúng thực tế sử dụng. Do đó diện tích đất khu công nghiệp cao hơn kế hoạch đề ra.

**1.3.4. Đất cụm công nghiệp:** Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt, diện tích đất cụm công nghiệp là 111,75 ha. Diện tích hiện trạng năm 2020 là 50 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 61,75 ha, đạt tỷ lệ 44,74%.

Trong năm KHSDĐ 2020 diện tích đất cụm công nghiệp không thay đổi, phần diện tích thấp hơn so với kế hoạch đề ra là do chưa thực hiện cụm công nghiệp Gia Thuận 2 (61,75 ha). Do đó diện tích đất cụm công nghiệp thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

**1.3.5. Đất thương mại dịch vụ:** Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt, diện tích đất thương mại dịch vụ là 96,65 ha. Diện tích hiện trạng năm 2020 là 94,32 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 2,33 ha, đạt tỷ lệ 97,59%.

Trong công tác kiểm kê đất đai 2019 đã xác định lại diện tích đất thương mại dịch vụ theo đúng mục đích hiện trạng sử dụng thì loại đất này tăng 66,87 ha, đến năm KHSDĐ 2020 diện tích loại đất này dự kiến sẽ tăng thêm 69,28 ha do quy hoạch Tổng kho xăng dầu - khí hoá lỏng (66,55 ha), khu thương mại - dịch vụ Tân Tây (1 ha), các cơ sở TMDV khác trên địa bàn các xã, thị trấn (1,73 ha) và giảm 0,08 ha do chuyển sang đất giao thông, tuy nhiên trong năm 2020

các công trình này vẫn chưa thực hiện được. Do đó diện tích đất thương mại dịch vụ năm 2020 giảm 2,33 ha và thấp hơn kế hoạch đề ra.

**1.3.6. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt, diện tích đất sản xuất phi nông nghiệp là 106,77 ha. Diện tích hiện trạng năm 2020 là 39,42 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 67,35 ha, đạt tỷ lệ 36,92%.

Trong công tác kiểm kê đất đai 2019 đã xác định lại diện tích đất sản xuất phi nông nghiệp theo đúng mục đích hiện trạng sử dụng thì loại đất này giảm 63,24 ha, đến năm KHSDĐ 2020 diện tích loại đất này dự kiến sẽ tăng thêm 4,29 ha do quy hoạch Công ty Phú Đạt (1,80 ha), và các cơ sở SXPNN khác trên địa bàn các xã, thị trấn (2,49 ha) và giảm 0,18 ha do chuyển sang đất giao thông, tuy nhiên trong năm 2020 các công trình này vẫn chưa thực hiện được. Do đó diện tích đất sản xuất phi nông nghiệp năm 2020 giảm 67,35 ha và thấp hơn kế hoạch đề ra.

**1.3.7. Đất phát triển hạ tầng:** Diện tích đất phát triển hạ tầng theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt của huyện là 1.254,99 ha. Diện tích năm 2020 là 654,09 ha, thấp hơn chỉ tiêu đề ra 600,90 ha, đạt tỷ lệ 52,12%. Bao gồm các loại đất sau:

- **Đất xây dựng cơ sở văn hóa:** Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt, diện tích đất văn hóa là 6,74 ha. Diện tích hiện trạng năm 2020 là 5,19 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 1,54 ha, đạt tỷ lệ 77,09%.

Trong công tác kiểm kê đất đai 2019 đã xác định và thống kê lại diện tích đất văn hóa theo đúng mục đích sử dụng thì loại đất này giảm 1,54 ha, đến năm KHSDĐ 2020 diện tích loại đất này dự kiến tăng 0,26 ha, và trong năm 2020 đã thực hiện tăng 0,26 ha do thực hiện xây dựng Trung tâm văn hoá thể thao thị trấn Vàm Láng, chuyển từ đất sân vận động. Do đó diện tích đất văn hóa năm 2020 giảm 1,54 ha và thấp hơn kế hoạch đề ra.

- **Đất xây dựng cơ sở y tế:** Theo kế hoạch được duyệt năm 2020 diện tích đất y tế là 4,03 ha. Thực hiện trong năm 2020 là 4,03 ha, đạt tỷ lệ 100%, diện tích đất y tế sử dụng ổn định và phù hợp với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

- **Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:** Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt, diện tích đất giáo dục và đào tạo là 36,04 ha. Diện tích hiện trạng năm 2020 là 34,87 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 1,17 ha, đạt tỷ lệ 96,76%.

Trong công tác kiểm kê đất đai 2019 đã xác định và thống kê lại diện tích đất giáo dục và đào tạo theo đúng mục đích sử dụng thì loại đất này tăng 0,03 ha, đến năm KHSDĐ 2020 diện tích loại đất này dự kiến tăng 1,45 ha, nhưng thực hiện trong năm 2020 chỉ tăng được 0,25 ha do thực hiện giao đất trường THCS Đoàn Hồng Phước (0,25 ha), chuyển từ đất thể dục thể thao, còn lại 1,2

ha do quy hoạch Trường tiểu học Tân Hòa vẫn chưa thực hiện được. Do đó diện tích đất giáo dục và đào tạo năm 2020 giảm 1,17 ha.

- **Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao:** Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt, diện tích đất thể dục thể thao là 9,06 ha. Diện tích hiện trạng năm 2020 là 8,43 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 0,63 ha, đạt tỷ lệ 93,06%.

Trong công tác kiểm kê đất đai 2019 đã xác định và thống kê lại diện tích đất thể dục thể thao theo đúng mục đích sử dụng thì loại đất này giảm 0,63 ha, đến năm KHSDĐ 2020 diện tích loại đất này dự kiến giảm 1,87 ha, và trong năm 2020 đã thực hiện giảm 1,87 ha do chuyển sang đất giáo dục và đào tạo 0,25 ha, chuyển sang đất văn hóa 0,26 ha, chuyển sang đất ở nông thôn là 1,36 ha. Do đó diện tích đất thể dục thể thao năm 2020 giảm 0,63 ha và thấp hơn kế hoạch đề ra.

- **Đất giao thông:** Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt, diện tích đất giao thông là 470,47 ha. Diện tích hiện trạng năm 2020 là 530,38 ha, cao hơn chỉ tiêu được duyệt 59,92 ha, đạt tỷ lệ 112,74%.

Trong công tác kiểm kê đất đai 2019 đã xác định và thống kê lại diện tích đất giao thông theo đúng mục đích sử dụng thì loại đất này tăng 65,90 ha, đến năm KHSDĐ 2020 diện tích loại đất này dự kiến tăng thêm 12,34 ha nhưng thực hiện trong năm 2020 chỉ tăng được 6,36 ha. Do đó diện tích đất giao thông năm 2020 tăng 59,92 ha và cao hơn kế hoạch đề ra.

Trong năm KHSDĐ 2020 diện tích đất giao thông tăng 6,36 ha do chuyển từ các loại đất sau: Chuyển từ đất trồng lúa 5,01 ha, chuyển từ đất hàng năm khác 0,53 ha, chuyển từ đất cây lâu năm 0,67 ha, chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản 0,09 ha, chuyển từ đất ở nông thôn 0,04 ha, chuyển từ đất tín ngưỡng 0,03 ha.

**Bảng 2: Danh mục công trình thực hiện đất giao thông năm 2020**

Số thứ tự	Tên công trình	Địa điểm	Diện tích tăng thêm (ha)
<b>I</b>	<b>Đất giao thông</b>		<b>6,36</b>
<b>a/</b>	<b>Đường cấp huyện</b>		<b>3,58</b>
1	Đường Thủ Khoa Huân nối dài	Tăng Hòa	3,58
<b>b/</b>	<b>Đường giao thông nội thị</b>		<b>0,17</b>
1	Đường cấp kênh Ba Bên	TT Tân Hòa	0,17
<b>c/</b>	<b>Các tuyến giao thông nông thôn</b>		<b>2,61</b>
1	Đường kênh Bảy Ca	Tăng Hòa	0,66
2	Cầu Xóm Gòng trên đường huyện 01	Tân Phước	0,11
3	Đường Tổ 6 Ấp 6	Tân Tây	0,15
4	Đường nối Đông kênh Xóm Gòng đến ĐH. 02 (phía Bắc kênh Xóm Gòng 4)	Kiêng Phước	0,07
5	Đường Bờ Rôi (đoạn 3 từ Kênh Làng Cơi đến kênh 3)	Tân Điền	0,22

Số thứ tự	Tên công trình	Địa điểm	Diện tích tăng thêm (ha)
6	Đường Tám Trắc	Phước Trung	0,05
7	Đường cặp kênh Đầu Giồng	Phước Trung	0,67
8	Đường nhà thờ Lê Tộc (kênh Năm Lắm)	Phước Trung	0,04
9	Đường Chín Trung	Phước Trung	0,03
10	Đường vào khu bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai sạt lở bờ biển, nước biển dâng (ấp Cầu Muông - xã Tân Thành)	Tân Thành	0,12
11	Đường liên ấp Cầu Muông - Bà Canh - Cây Bàng	Tân Thành	0,48

Ngoài ra trong KHSDĐ năm 2020 đất giao thông dự kiến phải tăng thêm 5,98 ha, do quy hoạch Đường huyện 01, mở rộng đường huyện 10 và 9 tuyến giao thông nông thôn khác nhưng do chưa mời gọi được nhà đầu tư cũng như chưa bố trí được nguồn vốn nên các công trình này vẫn chưa được thực hiện.

- **Đất thủy lợi:** Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt, diện tích đất thủy lợi là 724,95 ha. Diện tích hiện trạng năm 2020 là 67,12 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt là 657,83 ha.

Trong công tác kiểm kê đất đai 2019 đã xác định và thống kê lại diện tích đất thủy lợi theo đúng mục đích sử dụng thì loại đất này giảm 657,83 ha, đến năm KHSDĐ 2020 diện tích loại đất này dự kiến giảm 0,09 ha và thực hiện trong năm 2020 đã giảm 0,09 ha so với năm 2019, do chuyển sang đất ở nông thôn. Do đó diện tích đất thủy lợi năm 2020 giảm 657,83 ha là do kiểm kê đất đai 2019 đã thống kê lại diện tích loại đất này, từ đất thủy lợi chuyển sang đất sông rạch.

- **Đất công trình năng lượng:** Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt, diện tích đất công trình năng lượng là 0,19 ha. Diện tích hiện trạng năm 2020 là 0,25 ha, cao hơn chỉ tiêu được duyệt 0,06 ha, đạt tỷ lệ 130,18%.

Trong năm KHSDĐ 2020 diện tích đất công trình năng lượng không thay đổi, phần diện tích tăng 0,06 ha do công tác kiểm kê đất đai 2019 đã xác định và thống kê lại diện tích đất theo đúng thực tế sử dụng. Do đó diện tích đất công trình năng lượng cao hơn kế hoạch đề ra.

- **Đất công trình bưu chính viễn thông:** Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt, diện tích đất bưu chính viễn thông là 0,51 ha. Diện tích hiện trạng năm 2020 là 0,57 ha, cao hơn chỉ tiêu được duyệt 0,06 ha, đạt tỷ lệ 111,70%.

Trong năm KHSDĐ 2020 diện tích đất bưu chính viễn thông không thay đổi, phần diện tích tăng 0,06 ha do công tác kiểm kê đất đai 2019 đã xác định và



thống kê lại diện tích đất theo đúng thực tế sử dụng. Do đó diện tích đất bưu chính viễn thông cao hơn kế hoạch đề ra.

- **Đất chợ:** Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt, diện tích đất chợ là 3,01 ha. Diện tích hiện trạng năm 2020 là 3,06 ha, cao hơn chỉ tiêu được duyệt 0,05 ha, đạt tỷ lệ 101,71%.

Trong năm KHSDĐ 2020 diện tích đất chợ không thay đổi, phần diện tích tăng 0,05 ha do công tác kiểm kê đất đai 2019 đã xác định và thống kê lại diện tích đất theo đúng thực tế sử dụng. Do đó diện tích đất chợ cao hơn kế hoạch đề ra.

- **Đất công trình công cộng khác:** Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt, diện tích đất công trình công cộng chưa được thống kê, đến kiểm kê đất đai 2019 đã bổ sung thêm loại đất này là 0,19 ha.

**1.3.8. Đất có di tích lịch sử:** Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt, diện tích đất di tích lịch sử là 5,93 ha. Diện tích hiện trạng năm 2020 là 2,41 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 3,52 ha, đạt tỷ lệ 40,71%.

Trong công tác kiểm kê đất đai 2019 đã xác định và thống kê lại diện tích đất di tích lịch sử theo đúng mục đích sử dụng thì loại đất này tăng 0,28 ha, đến năm KHSDĐ 2020 diện tích loại đất này dự kiến tăng 3,80 ha do quy hoạch mở rộng đền thờ Anh hùng dân tộc Trương Định trên địa bàn xã Gia Thuận, nhưng trong năm 2020 thì công trình vẫn chưa thực hiện được. Do đó diện tích đất di tích lịch sử năm 2020 giảm 3,52 ha và thấp hơn kế hoạch đề ra.

**1.3.9. Đất bãi thải, xử lý chất thải:** Theo kế hoạch được duyệt năm 2020 diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải là 2,45 ha. Thực hiện trong năm 2020 là 2,45 ha, đạt tỷ lệ 100%, diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải sử dụng ổn định và phù hợp với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

**1.3.10. Đất ở nông thôn:** Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt, diện tích đất ở nông thôn là 756,04 ha. Diện tích hiện trạng năm 2020 là 751,70 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 4,34 ha, đạt tỷ lệ 99,43%.

Trong công tác kiểm kê đất đai 2019 đã xác định và thống kê lại diện tích đất ở nông thôn theo đúng mục đích sử dụng thì loại đất này tăng 11,69 ha, đến năm KHSDĐ 2020 diện tích loại đất này dự kiến tăng 24,92 ha, nhưng thực hiện trong năm 2020 chỉ tăng được 8,89 ha. Do đó diện tích đất ở nông thôn năm 2020 giảm 4,34 ha và thấp hơn kế hoạch đề ra.

Trong năm KHSDĐ 2020 diện tích đất ở nông thôn tăng tổng cộng là 8,93ha do chuyển từ các loại đất sau: Chuyển từ đất trồng lúa 3,84 ha, chuyển từ đất cây hàng năm khác 1,46 ha, chuyển từ đất cây lâu năm 1,96 ha, chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản 0,22 ha, chuyển từ đất thể thao 1,36 ha, chuyển từ đất thủy lợi 0,09 ha, chuyển từ đất sinh hoạt cộng đồng 0,01 ha. Bên cạnh đó diện tích đất ở nông thôn năm 2020 cũng có giảm 0,04 ha do chuyển sang đất giao thông. Vì vậy, diện tích đất ở nông thôn năm 2020 thực tăng so với năm 2019 là 8,89 ha.

**Bảng 3: Danh mục công trình thực hiện đất ở nông thôn năm 2020**

Số thứ tự	Tên công trình	Địa điểm	Diện tích tăng thêm (ha)
<b>IV</b>	<b>Đất ở nông thôn</b>		<b>8,93</b>
1	Cụm dân cư "Bố trí dân cư vùng thiên tai sạt lở bờ biển, nước biển dâng khu vực xã Tân Thành"	Tân Thành	1,67
2	Nhu cầu xin chuyển MĐSDĐ sang đất ở năm 2020	Các xã	7,26

Ngoài ra trong KHSDĐ năm 2020 đất ở nông thôn dự kiến sẽ tăng thêm 16,96 ha, do quy hoạch Khu dân cư nông thôn kết hợp thương mại dịch vụ hai bên đường tỉnh 871B (11,65 ha) và Khu tái định cư ấp Đền Đỏ, xã Tân Thành (5,31 ha) nhưng do chưa mời gọi được nhà đầu tư cũng như chưa bố trí được nguồn vốn nên hai công trình này vẫn chưa được thực hiện và chuyển tiếp sang năm 2021.

**1.3.11. Đất ở đô thị:** Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt, diện tích đất ở đô thị là 84,50 ha. Diện tích hiện trạng năm 2020 là 87,37 ha, cao hơn chỉ tiêu được duyệt 2,87 ha, đạt tỷ lệ 103,40%.

Trong công tác kiểm kê đất đai 2019 đã xác định và thống kê lại diện tích đất ở đô thị theo đúng mục đích sử dụng thì loại đất này tăng 3,50 ha, đến năm KHSDĐ 2020 diện tích loại đất này dự kiến tăng 1,00 ha, nhưng thực hiện trong năm 2020 chỉ tăng được 0,37 ha, do nhu cầu xin chuyển MĐSDĐ của hộ dân ở TT Tân Hòa (0,22 ha) và TT Vàm Láng (0,15 ha). Do đó diện tích đất ở đô thị năm 2020 tăng 2,87 ha và cao hơn kế hoạch đề ra.

Trong năm KHSDĐ 2020 diện tích đất ở đô thị tăng 0,37 ha do chuyển từ các loại đất sau: Chuyển từ đất trồng lúa 0,11 ha, chuyển từ đất cây hàng năm 0,12 ha, chuyển từ đất cây lâu năm 0,15 ha.

**1.3.12. Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt, diện tích đất trụ sở cơ quan là 11,23 ha. Diện tích hiện trạng năm 2020 là 9,79 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 1,44 ha, đạt tỷ lệ 87,15%.

Trong công tác kiểm kê đất đai 2019 đã xác định và thống kê lại diện tích đất trụ sở cơ quan theo đúng mục đích sử dụng thì loại đất này giảm 1,44 ha, đến năm KHSDĐ 2020 diện tích loại đất này dự kiến giảm 0,12 ha và trong năm 2020 đã thực hiện giảm 0,12 ha do chuyển sang đất tổ chức sự nghiệp ở xã Bình Nghị. Do đó diện tích đất trụ sở cơ quan năm 2020 giảm 1,44 ha và thấp hơn kế hoạch đề ra.

**1.3.13. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:** Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt, diện tích đất tổ chức sự nghiệp là 0,32 ha. Diện tích hiện trạng năm 2020 là 0,81 ha, cao hơn chỉ tiêu được duyệt 0,49 ha.

Trong công tác kiểm kê đất đai 2019 đã xác định và thống kê lại diện tích đất tổ chức sự nghiệp theo đúng mục đích sử dụng thì loại đất này tăng 0,49 ha, đến năm KHSDĐ 2020 diện tích loại đất này dự kiến tăng 0,12 ha và trong năm 2020 đã thực hiện tăng 0,12 ha do thực hiện xây dựng Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Gò Công Đông (0,12 ha), chuyển từ đất trụ sở cơ quan ở xã Bình Nghi. Do đó diện tích đất tổ chức sự nghiệp năm 2020 tăng 0,49 ha và cao hơn kế hoạch đề ra.

**1.3.14. Đất cơ sở tôn giáo:** Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt, diện tích đất tôn giáo là 11,80 ha. Diện tích hiện trạng năm 2020 là 12,29 ha, cao hơn chỉ tiêu được duyệt 0,49 ha, đạt tỷ lệ 104,19%.

Trong công tác kiểm kê đất đai 2019 đã xác định và thống kê lại diện tích đất tôn giáo theo đúng mục đích sử dụng thì loại đất này tăng 0,62 ha, đến năm KHSDĐ 2020 diện tích loại đất này dự kiến tăng 0,12 ha do chuyển mục đích sử dụng đất sang đất tôn giáo (Chùa Hương Quang) trên địa bàn xã Tân Đông nhưng đến nay tổ chức này vẫn chưa được thực hiện. Do đó diện tích đất tôn giáo năm 2020 tăng 0,49 ha và cao hơn kế hoạch đề ra.

**1.3.15. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa:** Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt, diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa là 107,88 ha. Diện tích hiện trạng năm 2020 là 109,90 ha, cao hơn chỉ tiêu được duyệt 2,03 ha, đạt tỷ lệ 101,88%.

Trong công tác kiểm kê đất đai 2019 đã xác định và thống kê lại diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa theo đúng mục đích sử dụng thì loại đất này tăng 2,03 ha, đến năm KHSDĐ 2020 diện tích loại đất này không thay đổi. Do đó diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa năm 2020 tăng 2,03 ha và cao hơn kế hoạch đề ra.

**1.3.16. Đất sinh hoạt cộng đồng:** Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt, diện tích đất sinh hoạt cộng đồng là 3,26 ha. Diện tích hiện trạng năm 2020 là 3,51 ha, cao hơn chỉ tiêu được duyệt 0,25 ha, đạt tỷ lệ 107,54%.

Trong công tác kiểm kê đất đai 2019 đã xác định và thống kê lại diện tích đất sinh hoạt cộng đồng theo đúng mục đích sử dụng thì loại đất này tăng 0,26 ha, đến năm KHSDĐ 2020 diện tích loại đất này dự kiến tăng 0,01 ha do quy hoạch trụ sở Ấp 4 xã Tân Phước, nhưng trong năm 2020 công trình này vẫn chưa thực hiện được. Do đó diện tích đất sinh hoạt cộng đồng năm 2020 tăng 0,25 ha và cao hơn kế hoạch đề ra.

**1.3.17. Đất khu vui chơi giải trí công cộng:** Theo kế hoạch được duyệt năm 2020 diện tích đất khu vui chơi giải trí là 9,58 ha. Thực hiện trong năm 2020 là 9,58 ha, đạt tỷ lệ 100%, diện tích đất khu vui chơi giải trí sử dụng ổn định và phù hợp với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

**1.3.18. Đất cơ sở tín ngưỡng:** Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt, diện tích đất tín ngưỡng là 12,50 ha. Diện tích hiện trạng năm 2020 là 12,55 ha, cao hơn chỉ tiêu được duyệt 0,05 ha, đạt tỷ lệ 100,43%.

Trong công tác kiểm kê đất đai 2019 đã xác định và thống kê lại diện tích đất tín ngưỡng theo đúng mục đích sử dụng thì loại đất này tăng 0,05 ha, đến năm KHSDĐ 2020 diện tích loại đất này dự kiến giảm 0,03 ha và trong năm 2020 đã thực hiện giảm 0,03 ha do chuyển sang đất giao thông. Do đó diện tích đất tín ngưỡng năm 2020 tăng 0,05 ha và cao hơn kế hoạch đề ra.

**1.3.19. Đất sông, rạch:** Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt, diện tích đất sông rạch là 4.218,79 ha. Diện tích hiện trạng năm 2020 là 4.825,08 ha, cao hơn chỉ tiêu được duyệt 606,29 ha, đạt tỷ lệ 114,37%.

Trong công tác kiểm kê đất đai 2019 đã xác định và thống kê lại diện tích đất sông rạch theo đúng mục đích sử dụng thì loại đất này tăng 595,70 ha, đến năm KHSDĐ 2020 diện tích loại đất này dự kiến giảm thêm 10,59 ha do chuyển sang đất TMDV (10,11 ha) và chuyển sang đất phi nông nghiệp khác (0,48 ha) nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện được. Do đó diện tích đất sông rạch năm 2020 tăng 606,29 ha, là do kiểm kê đất đai 2019 đã thống kê lại diện tích loại đất này từ đất thủy lợi chuyển sang đất sông rạch.

**1.3.20. Đất phi nông nghiệp khác:** Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt, diện tích đất phi nông nghiệp khác là 2,74 ha. Diện tích hiện trạng năm 2020 là 4,18 ha, cao hơn chỉ tiêu được duyệt 1,44 ha, đạt tỷ lệ 152,58%.

Trong công tác kiểm kê đất đai 2019 đã xác định và thống kê lại diện tích đất phi nông nghiệp khác theo đúng mục đích sử dụng thì loại đất này tăng 1,92 ha, đến năm KHSDĐ 2020 diện tích loại đất này dự kiến phải tăng thêm 0,48 ha, do quy hoạch đất dự trữ (lấp kênh cặp đê sông Cửa Tiểu - đoạn từ rạch Góc đến kênh Rạch Sâu) trên địa bàn xã Tân Thành nhưng do chưa bố trí được nguồn vốn nên công trình này vẫn chưa được thực hiện và chuyển tiếp sang năm 2021. Do đó diện tích đất phi nông nghiệp khác năm 2020 tăng 1,44 ha và cao hơn kế hoạch đề ra.

#### **1.4. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất chưa sử dụng**

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt, diện tích đất chưa sử dụng là 1.407,55 ha. Diện tích hiện trạng năm 2020 là 4.207,46 ha, cao hơn chỉ tiêu được duyệt 2.799,91 ha. Nguyên nhân tăng là do trong công tác kiểm kê đất đai 2019 đã đo đạc lại bản đồ địa chính chính quy phần đất được phù sa bồi đắp khu vực cồn Ông Mão thuộc xã Tân Thành huyện Gò Công Đông, diện tích tăng lên 2.799,91 ha, chủ yếu là đất bằng chưa sử dụng. Do đó diện tích đất chưa sử dụng năm 2020 cao hơn kế hoạch đề ra.

### **2. Đánh giá những mặt làm được trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020**

Thực hiện quyết định số 4686/QĐ-UBND của UBND tỉnh Tiền Giang ngày 30 tháng 12 năm 2019 “Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Gò Công Đông”. Tổng số công trình, dự án sử dụng đất được duyệt trong năm 2020 có 38 công trình dự án. Qua kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020 nhận thấy, kết quả thực hiện ở mức độ trung bình so với chỉ tiêu

kế hoạch đề ra, thực hiện được 17/39 công trình trong kế hoạch sử dụng đất được duyệt, đạt tỷ lệ 43,58%. Gồm có, công trình sử dụng vốn ngân sách: 5 công trình; công trình sử dụng vốn ngân sách + dân đóng góp: 12 công trình.

Còn lại 22 công trình trong kế hoạch sử dụng đất được duyệt chưa thực hiện. Trong đó, công trình mời gọi đầu tư: 06 công trình; công trình sử dụng vốn ngân sách: 08 công trình; công trình sử dụng vốn ngân sách + dân đóng góp: 08 công trình.

**Bảng 4: Tổng hợp danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 2020**

Số thứ tự	Tên công trình	Địa điểm	Diện tích tăng thêm (ha)
<b>A</b>	<b>Các công trình cấp tỉnh, huyện, xã</b>		<b>8,67</b>
<b>I</b>	<b>Đất giáo dục và đào tạo</b>		<b>0,25</b>
1	Trường THCS Đoàn Hồng Phước	TT Vàm Láng	0,25
<b>II</b>	<b>Đất giao thông</b>		<b>6,36</b>
<b>a/</b>	<b>Đường cấp huyện</b>		<b>3,58</b>
1	Đường Thủ Khoa Huân nối dài	Tăng Hòa	3,58
<b>b/</b>	<b>Đường giao thông nội thị</b>		<b>0,17</b>
1	Đường cạp kênh Ba Bên	TT Tân Hòa	0,17
<b>c/</b>	<b>Các tuyến giao thông nông thôn</b>		<b>2,61</b>
1	Đường kênh Bảy Ca	Tăng Hòa	0,66
2	Cầu Xóm Gòng trên đường huyện 01	Tân Phước	0,11
3	Đường Tô 6 Ấp 6	Tân Tây	0,15
4	Đường nối Đông kênh Xóm Gòng đến ĐH. 02 (phía Bắc kênh Xóm Gòng 4)	Kiêng Phước	0,07
5	Đường Bờ Rổi (đoạn 3 từ Kênh Làng Cơi đến kênh 3)	Tân Điền	0,22
6	Đường Tám Trắc	Phước Trung	0,05
7	Đường cạp kênh Đầu Giồng	Phước Trung	0,67
8	Đường nhà thờ Lê Tộc (kênh Năm Lăm)	Phước Trung	0,04
9	Đường Chín Trung	Phước Trung	0,03
10	Đường vào khu bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai sạt lở bờ biển, nước biển dâng (ấp Cầu Muống - xã Tân Thành)	Tân Thành	0,12
11	Đường liên ấp Cầu Muống - Bà Canh - Cây Bàng	Tân Thành	0,48
<b>III</b>	<b>Đất khu dân cư nông thôn</b>		<b>1,67</b>
1	Cụm dân cư "Bố trí dân cư vùng thiên tai sạt lở bờ biển, nước biển dâng khu vực xã Tân Thành"	Tân Thành	1,67
<b>IV</b>	<b>Đất cơ sở văn hóa</b>		<b>0,26</b>
1	Trung tâm văn hoá thể thao thị trấn Vàm Láng (xây dựng trên đất sân vận động)	TT Vàm Láng	0,26
<b>V</b>	<b>Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp</b>		<b>0,12</b>
1	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Gò Công Đông (Thửa 177; 189 tờ BĐ 9)	Xã Bình Nghị	0,12

**Bảng 5: Tổng hợp danh mục các công trình, dự án chưa thực hiện trong năm 2020**

Số thứ tự	Tên công trình	Địa điểm	Diện tích tăng thêm (ha)
<b>I</b>	<b>Đất cụm công nghiệp</b>		<b>61,75</b>
1	Cụm công nghiệp Gia Thuận 2	xã Gia Thuận	61,75
<b>II</b>	<b>Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo</b>		<b>1,20</b>
1	Trường tiểu học Tân Hòa	thị trấn Tân Hòa	1,20
<b>III</b>	<b>Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao</b>		<b>0,20</b>
1	Hồ bơi thị trấn Vàm Láng (sử dụng đất sân vận động cũ)	thị trấn Vàm Láng	0,20
<b>IV</b>	<b>Đất giao thông</b>		<b>5,98</b>
1	Đường huyện 01 (đường liên xã Tân Trung- Tân Phước đoạn từ cầu Gò Xoài đến ngã tư Tân Phước (ĐT873B))	xã Tân Phước	0,54
2	Mở rộng đường huyện 10 và cầu phục vụ phát triển khu công nghiệp phía Đông	thị trấn Vàm Láng; xã Kiểng Phước, Gia Thuận	1,94
3	Đường cặp kênh Bào Châu - Xã Sách ấp 2-3-4	xã Tân Tây	0,71
4	Đường kênh Cộng Đồng	xã Tăng Hòa	0,14
5	Đường Thầy Tự	xã Tăng Hòa	0,07
6	Đường kênh Ngang Trên	xã Tân Thành	0,23
7	Đường vào khu tái định cư ấp Đền Đỏ - xã Tân Thành	xã Tân Thành	0,15
8	Đường kênh 1 (Ấp Bắc 1)	xã Tân Điền	0,69
9	Đường Mã Đông (từ đường liên ấp Xóm Chủ-Xóm TỰ đến kênh Láng)	xã Kiểng Phước	0,21
10	Đường Cây Xây- Xóm Chủ- Xóm TỰ	xã Kiểng Phước	0,65
11	Đường liên ấp Cầu Xây- Xóm Rẫy	xã Kiểng Phước	0,65
<b>V</b>	<b>Đất phi nông nghiệp khác</b>		<b>0,48</b>
1	Đất dự trữ (lập kênh cặp đê sông Cửa Tiểu - đoạn từ rạch Góc đến kênh Rạch Sâu)	xã Tân Thành	0,48
<b>VI</b>	<b>Đất khu - cụm dân cư kết hợp thương mại dịch vụ</b>		<b>16,96</b>
1	Khu dân cư nông thôn kết hợp thương mại dịch vụ hai bên đường tỉnh 871B đoạn cuối nối với cụm công nghiệp Gia Thuận 1	xã Gia Thuận	11,65
2	Khu tái định cư ấp Đền Đỏ xã Tân Thành	xã Tân Thành	5,31
<b>VII</b>	<b>Đất thương mại dịch vụ</b>		<b>57,44</b>
1	Dự án trong lĩnh vực bến cảng - Tổng kho xăng dầu - khí hoá lỏng và các sản phẩm sau dầu mỏ	xã Gia Thuận	56,44
2	Khu thương mại - dịch vụ Tân Tây	xã Tân Tây	1,00
<b>VIII</b>	<b>Đất cơ sở sản xuất, phi nông nghiệp</b>		<b>1,80</b>
1	Công ty Phú Đạt	xã Tân Đông	1,80
<b>X</b>	<b>Đất sinh hoạt cộng đồng</b>		<b>0,01</b>

Số thứ tự	Tên công trình	Địa điểm	Diện tích tăng thêm (ha)
1	Trụ sở ấp 4	xã Tân Phước	0,01
<b>XI</b>	<b>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</b>		<b>4,89</b>
1	Mở rộng đền thờ Anh hùng dân tộc Trương Định	xã Gia Thuận	4,89

### 3. Đánh giá tình hình thực hiện các Nghị Quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

#### 3.1. Đối với Danh mục công trình, dự án thực hiện năm 2020 phải thu hồi đất

\* Tổng số công trình, dự án phải thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 và Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 là 13 công trình, dự án với tổng diện tích đất cần thu hồi là 147,63 ha, trong đó:

- + Đất trồng lúa là 12,61 ha.
- + Đất trồng rừng phòng hộ là 110,10 ha.
- + Các loại đất khác là 24,92 ha.

\* Kết quả thực hiện được 03/13 công trình, dự án với tổng diện tích đất là 3,78 ha.

**Bảng 6: Danh mục công trình, dự án thực hiện trong Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 và Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 10/7/2020**

Số thứ tự	Tên công trình	Diện tích dự kiến thu hồi (ha)	Tăng thêm			Địa điểm (đến cấp xã)
			Sử dụng vào loại đất			
			Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất khác	
1	Đường Thủ Khoa Huân nối dài	3,58	3,58		-	Tăng Hòa
2	Đường vào khu bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai sạt lở bờ biển, nước biển dâng	0,09			0,09	Tân Thành
3	Cầu Xóm Giồng trên đường Huyện 01	0,11			0,11	Tân Phước
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3,78</b>	<b>3,58</b>	<b>-</b>	<b>0,20</b>	

\* Còn lại 10 công trình, dự án chưa thực hiện được là:

**Bảng 7: Danh mục công trình, dự án chưa thực hiện trong Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 và Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 10/7/2020**

Số thứ tự	Tên công trình	Diện tích dự kiến thu hồi (ha)	Tăng thêm			Địa điểm (đến cấp xã)
			Sử dụng vào loại đất			
			Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất khác	
1	Khu dân cư nông thôn kết hợp thương mại dịch vụ hai bên đường tỉnh 871B đoạn cuối nối	11,86		3,66	8,20	Gia Thuận

Số thứ tự	Tên công trình	Diện tích dự kiến thu hồi (ha)	Tăng thêm			Địa điểm (đến cấp xã)
			Sử dụng vào loại đất			
			Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất khác	
	Cụm công nghiệp Gia Thuận 1					
2	Cụm công nghiệp Gia Thuận 2	50,00		50,00	-	Gia Thuận
3	Đường vào khu tái định cư xã Tân Thành	0,15			0,15	Tân Thành
4	Khu tái định cư xã Tân Thành	5,31	4,90		0,41	Tân Thành
5	Đường huyện 01 (Đoạn từ cầu Gò Xoài đến ngã tư Tân Phước)	0,54	0,25		0,29	Tân Phước
6	Bến cảng - Tổng kho xăng dầu - khí hóa lỏng và các sản phẩm sau dầu mỏ DKC Tiền Giang	66,55		56,44	10,11	Gia Thuận
7	Đường vào Khu công nghiệp phía Đông	5,54			5,54	TT Vàm Lám, Kiểng Phước, Gia Thuận
8	Trụ sở ấp 4	0,01			0,01	Tân Phước
9	Mở rộng đền thờ Anh hùng dân tộc Trương Định	2,89	2,88		0,006	Gia Thuận
10	Mở rộng đền thờ Anh hùng dân tộc Trương Định (Khu vực II) - phần bổ sung giai đoạn 2	1,00	1,00		-	Gia Thuận
	<b>Tổng cộng</b>	<b>143,85</b>	<b>9,03</b>	<b>110,10</b>	<b>24,72</b>	

**3.2. Đối với công trình, dự án thực hiện năm 2020 có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10 ha, đất rừng phòng hộ dưới 20 ha.**

\* Tổng số công trình, dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 và Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 là 07 công trình, dự án với tổng diện tích là 26,98 ha. Trong đó:

- + Đất trồng lúa là 14,41 ha.
- + Đất trồng rừng phòng hộ là 3,66 ha.
- + Đất khác là 8,91 ha.

\* Kết quả thực hiện được 01/07 công trình, dự án với tổng diện tích đất thu hồi là 3,58 ha, do thực hiện công trình Đường Thủ Khoa Huân nối dài, trong đó sử dụng từ đất trồng lúa là 3,58 ha.

\* Các công trình, dự án chưa thực hiện được là 06/07 công trình, dự án với tổng diện tích đất là 23,40 ha. Gồm công trình Khu dân cư nông thôn kết hợp thương mại dịch vụ hai bên đường tỉnh 871B đoạn cuối nối Cụm công nghiệp Gia Thuận 1, khu tái định cư xã Tân Thành, mở rộng nhà xưởng Công ty TNHH sản xuất thương mại Phú Đạt, Đường huyện 01 (Đoạn từ cầu Gò



Xoài đến ngã tư Tân Phước), mở rộng đền thờ Anh hùng dân tộc Trương Định và mở rộng đền thờ Anh hùng dân tộc Trương Định (Khu vực II) - phần bổ sung giai đoạn 2.

## **II. ĐÁNH GIÁ NHỮNG TỒN TẠI TRONG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện đã đạt được những kết quả nhất định, cơ bản đáp ứng được yêu cầu của các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong năm, tuy nhiên trong năm 2020 do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, hạn mặn kéo dài làm cho việc quảng bá và thu hút các dự án đầu tư gặp nhiều khó khăn, vốn đầu tư hạn chế, sức hấp dẫn thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư vào công trình dự án trên địa bàn huyện chưa cao. Bên cạnh đó việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020 còn một số tồn tại nhất định:

- Tiến độ thực hiện các công trình, dự án còn chậm so với tiến độ được cấp phép, nhiều công trình được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất, giao mặt bằng nhưng chậm triển khai thực hiện, gây lãng phí nguồn tài nguyên đất; Công tác định giá đất theo giá thị trường để bồi thường, giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn, thời gian thực hiện kéo dài, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án. Một số công trình sử dụng nguồn vốn cũng như quy mô diện tích rất lớn nhưng chỉ đăng ký trong kế hoạch một năm là không thể thực hiện được.

- Trong KHSDĐ hàng năm các công trình sử dụng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước thực hiện đạt tỷ lệ cao, ngược lại thì các công trình sử dụng nguồn vốn xã hội hóa, mời gọi đầu tư thực hiện đạt tỷ lệ rất thấp, không chủ động nguồn vốn từ các chủ đầu tư. Do đó, việc thực hiện công tác mời gọi, thu hút đầu tư các doanh nghiệp đầu tư phát triển trên địa bàn huyện còn hạn chế, công tác này cần được đẩy mạnh hơn trong những năm tới.

- Đối với đất trồng lúa, cây hàng năm, cây lâu năm do công tác kiểm kê đất đai 2019 đã xác định các loại đất này tăng hoặc giảm mạnh, do đó khi đánh giá kết quả thực hiện KHSDĐ 2020 cao hơn hoặc thấp hơn rất nhiều so với chỉ tiêu được duyệt, gây khó khăn trong công tác đánh giá đúng sự thật biến động của đất trồng lúa trong năm 2020. Trong công tác chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn huyện vẫn còn tình trạng người dân chuyển MĐSDĐ không xin phép hoặc chuyển MĐSDĐ không đúng quy hoạch, kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó việc quy hoạch đô thị TT Vàm Láng, TT Tân Hòa, TT Tây Tây, quy hoạch phát triển không gian của huyện đã hạn chế rất nhiều đến nhu cầu xin chuyển MĐSDĐ của hộ dân. Ngoài ra, do hạn mặn kéo dài và giá cả không ổn định nên người dân huyện không còn muốn phát triển vùng trồng lúa mà chuyển sang phát triển vùng trồng cây hàng năm hoặc cây lâu năm phù hợp với thị trường và thời tiết khí hậu hiện nay. Vì thế đất trồng lúa các năm về sau sẽ có xu hướng giảm mạnh.

- Đối với diện tích đất phi nông nghiệp: các chỉ tiêu về phát triển công nghiệp, cơ sở hạ tầng, đất đô thị, công trình công cộng như cụm công nghiệp Gia Thuận 2, Đường huyện 01, ĐH 10 và các cầu, trường tiểu học thị trấn Tân Hòa,

hồ bơi thị trấn Vàm Láng, khu tái định cư ấp Đền Đỏ xã Tân Thành, khu thương mại - dịch vụ Tân Tây, đất dự trữ phát triển... đều chưa thực hiện được so với kế hoạch đề ra, nguyên nhân chung là các dự án trong năm 2020 đăng ký nhưng khả năng nguồn vốn chưa được cân đối, chưa có nhà đầu tư hoặc còn một số thủ tục chưa hoàn thành kịp thời.

### **III. ĐÁNH GIÁ NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG TỒN TẠI TRONG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020**

Quỹ đất dự trữ để xây dựng các công trình phúc lợi công cộng ở địa phương còn nhiều hạn chế nên khi thực hiện phải thu hồi đất của dân và bồi thường làm ảnh hưởng đến kinh phí đầu tư và thời gian thực hiện.

Chưa dự tính hết khả năng về tài chính bởi phụ thuộc vào khả năng đầu tư của xã hội và Nhà nước... dẫn đến một số dự án, công trình chưa triển khai thực hiện được.

Nhu cầu đầu tư để phát triển kinh tế trên địa bàn huyện lớn. Trong đó, một số công trình để kêu gọi được đầu tư cần phải có quỹ đất phù hợp và phải có trong quy hoạch, kế hoạch gắn với quy hoạch tổng thể của địa phương. Do đó cần thiết phải đăng ký nhu cầu trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện nhằm tạo điều kiện thu hút đầu tư.

Sức thu hút được các nhà đầu tư để đầu tư và đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội huyện còn chưa cao. Đồng thời kinh phí đầu tư để thực hiện các công trình quá lớn, trong khi nguồn ngân sách địa phương còn hạn chế.

Nguồn vốn đầu tư (ngoài ngân sách), tình hình huy động các nguồn lực trong nhân dân nhằm thực hiện các dự án có nhu cầu sử dụng đất còn rất hạn chế, số lượng còn ít chưa đáp ứng được kế hoạch đề ra.

Công tác kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất chưa được sâu sát, cũng như chưa kiên quyết xử lý tình trạng tự ý chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất ngoài kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

Công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất để thực hiện các dự án đăng ký trong năm kế hoạch còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc dẫn đến dự án chậm triển khai thực hiện hoặc không triển khai được nên chỉ tiêu kế hoạch chưa đạt theo mục tiêu đề ra.

## Phần II

### KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021

#### I. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021 CỦA HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

##### 1. Chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ trên địa bàn huyện

Ngành Tài nguyên và Môi trường đang chuẩn bị lập quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030 của tỉnh Tiền Giang theo công văn số 4744/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Do đó, trong năm 2021 tỉnh chưa phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cho các huyện, thị xã, thành phố trong đó có huyện Gò Công Đông.

##### 2. Nhu cầu sử dụng đất các ngành, lĩnh vực

###### 2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất

Dựa trên việc đánh giá điều kiện tự nhiên, thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất năm 2020. Căn cứ vào mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong năm 2021. Trên cơ sở tính toán về nhu cầu, định hướng sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực và tiềm năng đất đai của huyện. Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu về đất đai để phát triển các ngành kinh tế, phục vụ công tác quản lý đất đai của huyện đáp ứng được các mục tiêu kinh tế - xã hội.

Và trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020 các dự án đã được phê duyệt nhưng chưa triển khai thực hiện được. Nguyên nhân chính dẫn tới tình trạng này là do thiếu vốn, chưa mời gọi được nhà đầu tư,... do đó một số công trình chưa thực hiện trong năm 2020 sẽ được chuyển sang năm 2021.

##### **Bảng 8: Danh mục các công trình trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020 chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2021**

Số thứ tự	Tên công trình	Địa điểm	Diện tích tăng thêm (ha)
1	Cụm công nghiệp Gia Thuận 2	xã Gia Thuận	50,00
2	Trường tiểu học Tân Hòa	thị trấn Tân Hòa	1,20
3	Đường huyện 01 (đường liên xã Tân Trung- Tân Phước đoạn từ cầu Gò Xoài đến ngã tư Tân Phước (ĐT873B))	xã Tân Phước	0,54
4	Mở rộng đường huyện 10 và cầu phục vụ phát triển khu công nghiệp phía Đông	thị trấn Vàm Láng; xã Kiểng Phước, Gia Thuận	8,60
5	Đường cạp kênh Bào Châu - Xả Sách ấp 2-3-4	xã Tân Tây	0,71
6	Đường Thầy Tự	xã Tăng Hòa	0,41
7	Đường kênh Ngang Trên	xã Tân Thành	0,23
8	Đường vào khu tái định cư ấp Đền Đỏ - xã Tân	xã Tân Thành	0,15

*Báo cáo tóm tắt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Gò Công Đông*

	Thành		
9	Đường kênh 1 (Ấp Bắc 1)	xã Tân Điền	0,69
10	Đường Cây Xây- Xóm Chú- Xóm Tụ	xã Kiểng Phước	0,65
11	Đường liên ấp Cầu Xây- Xóm Rẫy	xã Kiểng Phước	0,65
12	Đất dự trữ (lấp kênh cấp đê sông Cửa Tiểu - đoạn từ rạch Gốc đến kênh Rạch Sâu)	xã Tân Thành	0,48
13	Khu dân cư nông thôn kết hợp thương mại dịch vụ hai bên đường tỉnh 871B đoạn cuối nối với cụm công nghiệp Gia Thuận 1	xã Gia Thuận	11,86
14	Khu tái định cư ấp Đền Đỏ xã Tân Thành	xã Tân Thành	5,31
15	Dự án trong lĩnh vực bến cảng - Tổng kho xăng dầu - khí hoá lỏng và các sản phẩm sau dầu mỏ	xã Gia Thuận	66,55
16	Khu thương mại - dịch vụ Tân Tây	xã Tân Tây	1,00
17	Công ty Phú Đạt	xã Tân Đông	1,80
18	Trụ sở ấp 4	xã Tân Phước	0,01
19	Mở rộng đền thờ Anh hùng dân tộc Trương Định	xã Gia Thuận	4,89

## **2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân của huyện Gò Công Đông năm 2021**

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021, nhằm góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân trên địa bàn huyện. Trên cơ sở chiến lược định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong năm 2021, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế hợp lý, năm sau cao hơn năm trước gắn với việc tiếp tục giữ vững ổn định kinh tế và phát triển bền vững. Huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng gắn với xây dựng nông thôn mới ổn định. Thực hiện tốt các chính sách, triển khai các dự án đầu tư xây dựng, hiện đại hóa kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Nhu cầu sử dụng các loại đất chính trong kế hoạch năm 2021 như sau:

**- Đất nông nghiệp: Diện tích 18.571,03 ha, thực giảm 259,65 ha so với hiện trạng năm 2020. Trong đó:**

+ Đất trồng lúa: Diện tích 8.940,42 ha, giảm 323,92 ha so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất trồng cây hàng năm khác: Diện tích 3.560,18 ha, thực tăng 164,86 ha so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất trồng cây lâu năm: Diện tích 2.534,98 ha, thực tăng 90,73 ha so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất rừng phòng hộ: Diện tích 255,61 ha, giảm 174,39 ha so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích 3.270,31 ha, giảm 19,83 ha so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất nông nghiệp khác: Diện tích 9,53 ha, tăng 2,89 ha so với hiện trạng năm 2020.

**- Đất phi nông nghiệp: Diện tích 7.332,76 ha, so với hiện trạng năm 2020 tăng 259,65 ha. Trong đó:**

+ Đất quốc phòng: Diện tích 114,14 ha, tăng 2,40 ha so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất an ninh: Diện tích 2,14 ha, tăng 0,13 ha so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất khu công nghiệp: Diện tích 287,25 ha, giảm 2,65 ha so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất cụm công nghiệp: Diện tích 100 ha, tăng 50 ha so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất thương mại, dịch vụ: Diện tích 165,85 ha, tăng 71,53 ha so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Diện tích 134,10 ha, tăng 94,68 ha so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất phát triển hạ tầng: Diện tích 693,16 ha, tăng 39,07 ha so với hiện trạng năm 2020. Trong đó:

- Đất xây dựng cơ sở văn hoá: Diện tích 5,15 ha, giảm 0,04 ha so với hiện trạng năm 2020.

- Đất xây dựng cơ sở y tế: Diện tích 4,03 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2020.

- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Diện tích 37,06 ha, tăng 2,19 ha so với hiện trạng năm 2020.

- Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: Diện tích 8,43 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2020.

- Đất giao thông: Diện tích 548,54 ha, tăng 18,16 ha so với hiện trạng năm 2020.

- Đất thủy lợi: Diện tích 67,35 ha, giảm 0,23 ha so với hiện trạng năm 2020.

- Đất công trình năng lượng: Diện tích 18,79 ha, tăng 18,54 ha so với hiện trạng năm 2020.

- Đất công trình bưu chính, viễn thông: Diện tích 0,57 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2020.

- Đất chợ: Diện tích 3,06 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất có di tích lịch sử - văn hoá: Diện tích 7,30 ha, tăng 4,89 ha so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: Diện tích 2,45 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất ở tại nông thôn: Diện tích 778,27 ha, tăng 26,57 ha so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất ở đô thị: Diện tích 88,76 ha, tăng 1,39 ha so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích 10,51 ha, tăng 0,73 ha so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Diện tích 0,81 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất cơ sở tôn giáo: Diện tích 12,41 ha, tăng 0,12 ha so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa: Diện tích 109,90 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất sinh hoạt cộng đồng: Diện tích 3,48 ha, giảm 0,03 ha so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất khu vui chơi giải trí công cộng: Diện tích 9,58 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất cơ sở tín ngưỡng: Diện tích 12,55 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất sông, kênh, rạch: Diện tích 4.795,42 ha, giảm 29,66 ha so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất phi nông nghiệp khác: Diện tích 4,66 ha, tăng 0,48 ha so với hiện trạng năm 2020.

**- Đất chưa sử dụng: Diện tích 4.207,46 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2020.**

### **3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất:**

Cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất giữa các ngành, lĩnh vực trong năm 2021 và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã. Đáp ứng được số lượng, chất lượng đất đai cho nhu cầu sử dụng đất của các ngành, doanh nghiệp, hộ gia đình cá nhân... nhằm thực hiện nâng cao năng suất và sản lượng trên một đơn vị diện tích, đảm bảo sử dụng đất đai lâu bền, hiệu quả.

#### **3.1. Đất nông nghiệp:**

Tiếp tục phát triển nông nghiệp theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Tiếp tục đổi mới tổ chức sản xuất; ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ nông dân trong phòng, chống dịch bệnh, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; hỗ trợ khai thác, nuôi trồng thủy sản và dịch vụ

khai thác hải sản trên các vùng biển xa;... giúp người dân ổn định sản xuất, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong ngành nông nghiệp, nông thôn.

Kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp được phân tích dựa trên cơ sở số liệu hiện trạng sử dụng đất năm 2020, nhu cầu sử dụng đất năm 2021 của huyện, các công trình dự án có liên quan tới thu hồi đất nông nghiệp trong năm. Tổng diện tích đất nông nghiệp đến năm 2021 trên địa bàn huyện là 18.571,03 ha, chiếm 61,67% tổng diện tích tự nhiên. Chi tiết các loại đất sau:

**Bảng 9: Chỉ tiêu nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp năm 2021**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2020	Diện tích năm 2021	Tăng (+) Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>18.830,68</b>	<b>18.571,03</b>	<b>-259,65</b>	<b>61,67</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	9.264,34	8.940,42	-323,92	48,14
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>9.264,34</i>	<i>8.940,42</i>	<i>-323,92</i>	<i>48,14</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3.395,32	3.560,18	164,86	19,17
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.444,25	2.534,98	90,73	13,65
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	430,00	255,61	-174,39	1,38
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	3.290,14	3.270,31	-19,83	17,61
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	6,63	9,53	2,89	0,05

### 3.1.1. Đất trồng lúa:

Diện tích đất lúa trên địa bàn huyện năm 2020 là 9.264,34 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 8.940,42 ha, chiếm 48,14% diện tích đất nông nghiệp, giảm 323,92 ha so với hiện trạng năm 2020.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 diện tích đất trồng lúa tăng 0,09 ha do chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản và giảm 324,01 ha do chuyển sang các mục đích khác, cụ thể:

- Chuyển nội bộ trong đất nông nghiệp: 291 ha, trong đó chuyển sang đất trồng cây hàng năm khác (184,80 ha), đất trồng cây lâu năm (105,40 ha), đất nông nghiệp khác (0,80 ha).

- Chuyển sang đất phi nông nghiệp: 33,01 ha, trong đó:

- + Chuyển sang đất thương mại dịch vụ: 1,40 ha;

- + Chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 3,55 ha;

- + Chuyển sang đất phát triển hạ tầng: 12,13 ha;

- + Chuyển sang đất di tích: 4,72 ha;
- + Chuyển sang đất ở nông thôn: 10,44 ha;
- + Chuyển sang đất ở đô thị: 0,77 ha.

**Bảng 10: Chỉ tiêu nhu cầu sử dụng đất trồng lúa đến năm 2021**

STT	Tên xã , thị trấn	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Huyện Gò Công Đông</b>	<b>8.940,42</b>	
1	Thị trấn Tân Hòa	120,76	
2	Thị trấn Vàm Láng	74,90	
3	Xã Tăng Hòa	982,94	
4	Xã Tân Phước	921,93	
5	Xã Gia Thuận	476,51	
6	Xã Tân Tây	600,13	
7	Xã Kiềng Phước	1.057,73	
8	Xã Tân Đông	407,74	
9	Xã Bình Ân	675,53	
10	Xã Tân Điền	978,61	
11	Xã Bình Nghị	607,36	
12	Xã Phước Trung	1.048,40	
13	Xã Tân Thành	987,88	

### 3.1.2. Đất trồng cây hàng năm khác:

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác trên địa bàn huyện năm 2020 là 3.395,32 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 3.560,18 ha, chiếm 19,17% diện tích đất nông nghiệp, tăng 164,86 ha so với hiện trạng năm 2020.

Diện tích năm 2021 tăng 184,80 ha do đất trồng lúa chuyển sang. Ngoài ra giảm 19,94 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- + Chuyển sang đất nông nghiệp khác: 1,05 ha;
- + Chuyển sang đất quốc phòng: 2,40 ha;
- + chuyển sang đất an ninh: 0,13 ha;
- + Chuyển sang đất thương mại dịch vụ: 1,50 ha;
- + Chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 1,85 ha;
- + Chuyển sang đất phát triển hạ tầng: 9,96 ha;
- + Chuyển sang đất di tích 0,14 ha;
- + Chuyển sang đất ở nông thôn: 2,71 ha;
- + Chuyển sang đất ở đô thị: 0,2 ha.

Vậy diện tích đất trồng cây hàng năm trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 thực tăng 164,86 ha so với hiện trạng năm 2020.

Diện tích đất trồng cây hàng năm được phân bố hầu hết ở các xã, thị trấn nhưng tập trung nhiều ở xã: Tăng Hòa (315,96 ha), Tân Tây (536,54 ha), Tân



Đông (378,63 ha), Tân Điền (403,87 ha), Tân Thành (635,71 ha), Bình Nghi (305,19 ha).

### **3.1.3. Đất trồng cây lâu năm:**

Diện tích đất trồng cây lâu năm trên địa bàn huyện năm 2020 là 2.444,25 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 2.534,98 ha, chiếm 13,65% diện tích đất nông nghiệp, tăng 90,73 ha so với hiện trạng năm 2020.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 diện tích đất trồng cây lâu năm tăng 105,40 ha do đất trồng lúa chuyển sang. Ngoài ra đất trồng cây lâu năm giảm do chuyển sang đất nông nghiệp khác 1,04 ha; chuyển sang đất phi nông nghiệp 16,01 ha cụ thể như sau:

- + Chuyển sang đất thương mại dịch vụ: 3,19 ha.
- + Chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 2,44 ha;
- + Chuyển sang đất phát triển hạ tầng: 7,80 ha;
- + Chuyển sang đất ở nông thôn: 2,08 ha;
- + Chuyển sang đất ở đô thị: 0,20 ha;
- + Chuyển sang đất trụ sở cơ quan: 0,23 ha;
- + Chuyển sang đất cơ sở tôn giáo: 0,04 ha;
- + Chuyển sang đất sinh hoạt cộng đồng: 0,03 ha;

Vì vậy diện tích đất trồng cây lâu năm trong kế hoạch năm 2021 thực tăng 90,73 ha so với hiện trạng năm 2020.

Diện tích đất trồng cây lâu năm trên địa bàn huyện phân bố hầu hết trên địa bàn các xã, thị trấn. Phân bố nhiều trên địa bàn các xã Kiểng Phước (430,23 ha), Bình Ân (357,94 ha), Bình Nghi (271,91 ha), Phước Trung (311,06 ha), Tân Thành (233,54 ha).

### **3.1.4. Đất rừng phòng hộ:**

Diện tích đất rừng phòng hộ trên địa bàn huyện năm 2020 là 430,00 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 255,61 ha, chiếm 1,38% diện tích đất nông nghiệp, giảm 174,39 ha so với hiện trạng năm 2020.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 diện tích đất rừng phòng hộ giảm 174,39 ha do chuyển sang đất cụm công nghiệp Gia Thuận 2 (50 ha), chuyển sang đất Nhà máy Công ty Cổ phần kết cấu thép Gia Thuận (67,95 ha) và đất thương mại dịch vụ Tổng kho xăng dầu - khí hoá lỏng (56,44 ha). Diện tích đất rừng phòng hộ phân bố chủ yếu trên địa bàn thị trấn Vàm Láng (16,29 ha) và địa bàn các xã: Tăng Hòa (16,90 ha), Tân Phước (60,95 ha), Gia Thuận (67,16 ha), Kiểng Phước (6,79 ha), Tân Điền (15,35 ha), Phước Trung (22,36 ha) và Tân Thành (49,81 ha).

### **3.1.5. Đất nuôi trồng thủy sản:**

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện năm 2020 là 3.290,14 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 3.270,31 ha, chiếm 17,61% diện tích đất nông nghiệp, giảm 19,83 ha so với hiện trạng năm 2020.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 diện tích đất nuôi trồng thủy sản giảm 19,83 ha do chuyển sang các loại đất như sau:

- + Chuyển sang đất trồng lúa: 0,09 ha;
- + Chuyển sang đất trồng cây lâu năm: 2,38 ha;
- + Chuyển sang đất phát triển hạ tầng: 5,24 ha;
- + Chuyển sang đất ở nông thôn: 11,56 ha;
- + Chuyển sang đất ở đô thị: 0,42 ha;
- + Chuyển sang đất trụ sở cơ quan 0,13 ha;

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản phân bố hầu hết ở các xã, thị trấn trên địa bàn huyện, tập trung nhiều trên địa bàn xã Tân Phước (115,04 ha), xã Kiểng Phước (311,96 ha), xã Phước Trung (142,61 ha) và nhiều nhất trên địa bàn xã Tân Thành (2.576,86 ha).

### **3.1.6. Đất nông nghiệp khác:**

Diện tích đất nông nghiệp khác trên địa bàn huyện năm 2020 là 6,63 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 9,53 ha, tăng 2,89 ha so với hiện trạng năm 2020, do chuyển từ đất trồng lúa (0,80 ha), chuyển từ đất trồng cây hàng năm (1,05 ha), chuyển từ đất trồng cây lâu năm (1,04 ha).

Trong KHSDĐ năm 2021 dự kiến trên địa bàn huyện sẽ quy hoạch 1,00 ha, vùng nuôi chim yến tập trung trên địa bàn 05 xã: Bình Nghi, Bình Ân, Tân Đông, Phước Trung, Tăng Hòa, do thực hiện theo công văn số 2010/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2017 của UBND tỉnh Tiền Giang Về việc phê duyệt Quy hoạch khu, vùng nuôi chim yến tập trung trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Bên cạnh đó huyện cũng có quy hoạch vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn các xã, thị trấn, diện tích tăng thêm khoảng 1,89 ha.

**3.2. Đất phi nông nghiệp:** Nhằm đáp ứng yêu cầu cho xây dựng kết cấu hạ tầng, giao thông, khu công nghiệp, thương mại - dịch vụ, sản xuất phi nông nghiệp, trụ sở công an, quân sự, các công trình nhà ở,... đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 diện tích đất phi nông nghiệp là 7.332,76 ha, chiếm 24,35% tổng diện tích đất tự nhiên trên địa bàn huyện. Năm 2021 thực tăng 259,65 ha so với hiện trạng năm 2020 (diện tích năm 2020 là 7.073,11 ha). Và diện tích các loại đất phi nông nghiệp được xác định cụ thể như sau:

**Bảng 11: Chỉ tiêu nhu cầu sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2021**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2020	Diện tích năm 2021	Tăng (+) Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>7.073,11</b>	<b>7.332,76</b>	<b>259,65</b>	<b>24,35</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	111,74	114,14	2,40	1,56
2.2	Đất an ninh	CAN	2,00	2,14	0,13	0,03
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	289,90	287,25	-2,65	3,92
2.4	Đất khu chế xuất	SKT				
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	50,00	100,00	50,00	1,36
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	94,32	165,85	71,53	2,26
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	39,42	134,10	94,68	1,83
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
<b>2.9</b>	<b>Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã</b>	<b>DHT</b>	<b>654,09</b>	<b>693,16</b>	<b>39,07</b>	<b>9,45</b>
2.9.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	5,19	5,15	-0,04	0,74
2.9.2	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH				
2.9.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,03	4,03		0,58
2.9.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	34,87	37,06	2,19	5,35
2.9.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	8,43	8,43		1,22
2.9.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH				
2.9.7	Đất giao thông	DGT	530,38	548,54	18,16	79,14
2.9.8	Đất thủy lợi	DTL	67,12	67,35	0,23	9,72
2.9.9	Đất công trình năng lượng	DNL	0,25	18,79	18,54	2,71
2.9.10	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,57	0,57		0,08
2.9.11	Đất chợ	DCH	3,06	3,06		0,44
2.9.12	Đất công trình công cộng khác	DCK	0,19	0,19		0,03
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	2,41	7,30	4,89	0,10
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	2,45	2,45		0,03
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	751,70	778,27	26,57	10,61
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	87,37	88,76	1,39	1,21
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	9,79	10,51	0,73	0,14
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,81	0,81		0,01
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	12,29	12,41	0,12	0,17

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2020	Diện tích năm 2021	Tăng (+) Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	109,90	109,90		1,50
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX				
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	3,51	3,48	-0,03	0,05
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	9,58	9,58		0,13
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	12,55	12,55		0,17
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	4.825,08	4.795,42	-29,66	65,40
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC				
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	4,18	4,66	-0,48	0,06

### 3.2.1. Đất quốc phòng

Diện tích đất quốc phòng trên địa bàn huyện năm 2020 là 111,74 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 114,14 ha, chiếm 1,56% diện tích đất phi nông nghiệp. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 tăng 2,40 ha do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác. Bao gồm thực hiện các công trình sau:

**Bảng 12: Danh mục công trình đất quốc phòng năm 2021**

Số thứ tự	Tên công trình	Địa điểm	Năm thực hiện	Diện tích tăng thêm (ha)
<b>I</b>	<b>Đất quốc phòng</b>			<b>2,40</b>
1	Quốc phòng của tỉnh và Quân khu	Xã Tân Tây	2021	1,00
2	Quốc phòng của tỉnh và Quân khu	Xã Kiểng Phước	2021	1,40

### 3.2.2. Đất an ninh

Diện tích đất an ninh trên địa bàn huyện năm 2020 là 2,00 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 2,13 ha, chiếm 0,03% diện tích đất phi nông nghiệp. Diện tích kế hoạch năm 2021 tăng 0,13 ha so với hiện trạng năm 2020, do quy hoạch trụ sở công an thị trấn Tân Hòa lấy từ đất cây hàng năm khác.

### 3.2.3. Đất khu công nghiệp

Diện tích đất khu công nghiệp trên địa bàn huyện năm 2020 là 289,90 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 287,25 ha, chiếm 3,92% diện tích đất phi nông nghiệp. Diện tích kế hoạch năm 2021 giảm 2,65 ha so với hiện trạng năm 2020 (do dự kiến mở rộng đường vào khu công nghiệp phía Đông).

### 3.2.4. Đất cụm công nghiệp

Diện tích đất cụm công nghiệp trên địa bàn huyện năm 2020 là 50,00 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 100 ha, chiếm 1,36% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 50 ha so với hiện trạng năm 2020. Kế hoạch sử dụng đất năm

2021 tăng 50 ha, chủ yếu chuyển từ đất rừng phòng hộ, do kế hoạch thực hiện Cụm công nghiệp Gia Thuận 2 trên địa bàn xã Gia Thuận.

### 3.2.5. Đất thương mại, dịch vụ

Diện tích đất thương mại, dịch vụ trên địa bàn huyện năm 2020 là 94,32 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 165,85 ha, chiếm 2,26% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 71,53 ha so với hiện trạng năm 2020.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 tăng 72,64 ha sử dụng từ đất trồng lúa (1,40 ha), đất trồng cây hàng năm khác (1,50 ha), đất trồng cây lâu năm (3,19 ha), đất rừng phòng hộ (56,44 ha), đất sông rạch (10,11 ha). Ngoài ra, diện tích đất còn giảm 1,11 ha do chuyển sang đất giao thông. Vì vậy diện tích đất thương mại, dịch vụ thực tăng so với năm 2020 là 71,53 ha. Bao gồm thực hiện các công trình sau:

**Bảng 13: Danh mục công trình đất thương mại dịch vụ năm 2021**

Số thứ tự	Tên công trình	Địa điểm	Năm thực hiện	Diện tích tăng thêm (ha)
<b>I</b>	<b>Đất thương mại dịch vụ</b>			<b>72,64</b>
1	Dự án trong lĩnh vực bến cảng - Tổng kho xăng dầu - khí hoá lỏng và các sản phẩm sau dầu mỏ	Xã Gia Thuận	2021	66,55
2	Khu thương mại - dịch vụ Tân Tây	Xã Tân Tây	2021	1,29
3	Đất thương mại dịch vụ cấp tuyến đường tỉnh 862, 871, 871B, 871C, 873B,..đường huyện 01, 02, 03, 04, 05, 05B, 06, 07, 08, 08B, 09, 10..	Các xã, thị trấn	2021	4,80
4	Khu dịch vụ Hậu cần nghề cá (đã thống kê diện tích đất năm 2019)	Xã Kiểng Phước	2021	9,7

### 3.2.6. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trên địa bàn huyện năm 2020 là 39,42 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 134,10 ha, chiếm 1,83% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 94,68 ha so với hiện trạng năm 2020.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 tăng 94,74 ha sử dụng từ đất trồng lúa (3,55 ha), đất trồng cây hàng năm khác (1,85 ha), đất trồng cây lâu năm (2,44 ha), đất rừng phòng hộ (67,95 ha), đất sông, rạch (18,95 ha). Ngoài ra, diện tích đất còn giảm 0,06 ha do chuyển sang đất trụ sở cơ quan. Vì vậy diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp thực tăng so với năm 2020 là 94,68 ha.

**Bảng 14: Danh mục công trình đất sản xuất phi nông nghiệp năm 2021**

Số thứ tự	Tên công trình	Địa điểm	Năm thực hiện	Diện tích tăng thêm (ha)
<b>I</b>	<b>Đất sản xuất phi nông nghiệp</b>			<b>94,74</b>
1	Nhà máy Công ty Cổ phần kết cấu thép Gia Thuận	Xã Gia Thuận	2021	86,90
2	Xây dựng xưởng sản xuất ghế nhựa, dụng cụ nội thất, túi ny lông phục vụ xuất khẩu	Xã Gia Thuận	2021	0,20
3	Xây dựng Xưởng gia công cơ khí chế biến ben thủy lực	Xã Kiểng Phước	2021	0,49
4	Công ty Phú Đạt	Xã Tân Đông	2021	1,80
5	Đất sản xuất kinh doanh cấp tuyến đường tỉnh 862, 871, 871B, 871C, 873B,..đường huyện 01, 02, 03, 04, 05, 05B, 06, 07, 08, 08B, 09, 10..	Các xã, thị trấn	2021	5,35

### 3.2.7. Đất phát triển hạ tầng

Diện tích đất phát triển hạ tầng trên địa bàn huyện năm 2020 là 654,09 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 693,16 ha, chiếm 9,45% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 39,07 ha so với hiện trạng năm 2020. Cụ thể các loại đất sau:

#### \* Đất xây dựng cơ sở văn hóa

Diện tích năm 2020 là 5,19 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 5,15 ha, chiếm 0,74% diện tích đất phát triển hạ tầng, giảm 0,04 ha so với hiện trạng năm 2020, do chuyển sang đất trụ sở cơ quan ở xã Bình Nghị.

#### \* Đất xây dựng cơ sở y tế

Diện tích năm 2020 là 4,03 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 4,03 ha, chiếm 0,58% diện tích đất phát triển hạ tầng, sử dụng ổn định so với hiện trạng năm 2020.

#### \* Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo

Diện tích năm 2020 là 34,87 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 37,06 ha, chiếm 5,35% diện tích đất phát triển hạ tầng, tăng 2,19 ha so với hiện trạng năm 2020.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 dự kiến đất giáo dục tăng 2,19 ha do sử dụng từ đất trồng lúa (0,95 ha), đất trồng cây hàng năm khác (1,20 ha), đất cây lâu năm (0,04 ha). Bao gồm thực hiện các công trình sau:

**Bảng 15: Danh mục công trình đất giáo dục và đào tạo năm 2021**

Số thứ tự	Tên công trình	Địa điểm	Năm thực hiện	Diện tích tăng thêm (ha)
<b>I</b>	<b>Đất giáo dục và đào tạo</b>			<b>2,19</b>
1	Trường Mầm non Tân Đông	Xã Tân Đông	2021	0,16
2	Trường tiểu học Tân Hòa	TT Tân Hòa	2021	1,20
3	Trường THCS Gia Thuận	Xã Gia Thuận	2021	0,83

**\* Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao**

Diện tích năm 2020 là 8,43 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 8,43 ha, chiếm 1,22% diện tích đất phát triển hạ tầng, sử dụng ổn định so với hiện trạng năm 2020.

**\* Đất giao thông**

Diện tích năm 2020 là 530,38 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 548,54 ha, chiếm 79,14% diện tích đất phát triển hạ tầng, tăng 18,16 ha so với hiện trạng năm 2020.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 diện tích đất giao thông tăng 18,16 ha do chuyển từ đất trồng lúa (5,04 ha), đất trồng cây hàng năm khác (3,76 ha), đất trồng cây lâu năm (4,38 ha), đất nuôi trồng thủy sản (0,99 ha), đất khu công nghiệp (2,65 ha), đất thương mại dịch vụ (1,11 ha), đất ở nông thôn (0,03 ha), đất ở đô thị (0,2 ha). Bao gồm thực hiện công trình như sau:

**Bảng 16: Danh mục công trình đất giao thông năm 2021**

Số thứ tự	Tên công trình	Địa điểm	Năm thực hiện	Diện tích tăng thêm (ha)
<b>I</b>	<b>Đất giao thông</b>			<b>18,16</b>
<b>a/</b>	<b>Đường huyện</b>			<b>9,21</b>
1	Đường huyện 01 (đường liên xã Tân Trung- Tân Phước đoạn từ cầu Gò Xoài đến ngã tư Tân Phước (ĐT873B))	Xã Tân Phước	2021	0,54
2	Mở rộng đường vào khu công nghiệp phía Đông	TT Vàm Láng, Kiểng Phước, Gia Thuận	2021	8,60
3	Mở rộng cầu Gia Thuận: công trình nâng cấp đường huyện 06 (đường+cầu+hệ thống thoát nước)	Xã Gia Thuận	2021	0,03
4	Mở rộng cầu Bình Nghị: công trình nâng cấp đường huyện 05 (đường+cầu+hệ thống thoát nước)	Xã Bình Nghị	2021	0,04
<b>b/</b>	<b>Các tuyến giao thông nông thôn</b>			<b>8,95</b>
1	Đường vô kênh Tư Ràng	TT Tân Hòa	2021	0,04

Báo cáo tóm tắt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Gò Công Đông

Số thứ tự	Tên công trình	Địa điểm	Năm thực hiện	Diện tích tăng thêm (ha)
2	Đường Thầy Tự	Xã Tăng Hòa	2021	0,41
3	Đường ấp 3 Xóm Ao	Xã Tân Phước	2021	0,14
4	MR đường Cầu Đình	Xã Tân Phước	2021	0,21
5	Đường cấp kênh Bào Châu - Xã Sách ấp 2-3-4	Xã Tân Tây	2021	0,71
6	Đường Tổ 4 - ấp 6	Xã Tân Tây	2021	0,48
7	Đường cấp kênh Ông Lánh ấp	Xã Tân Tây	2021	0,45
8	Đường Cầu Xây- Xóm Chủ- Xóm Tụ	Xã Kiểng Phước	2021	0,65
9	Đường liên ấp Cầu Xây- Xóm Rẫy	Xã Kiểng Phước	2021	0,65
10	Đường Số 3 - Xóm Đình	Xã Kiểng Phước	2021	0,25
11	Đường từ Huyện lộ 02 đến ấp Xóm Tụ	Xã Kiểng Phước	2021	0,19
12	Đường Đông kênh Địa Xanh	Xã Bình Ân	2021	0,16
13	Đường Đông kênh Càn Lộc	Xã Bình Ân	2021	0,25
14	Đường Bờ Làng	Xã Bình Ân	2021	0,13
15	Đường kênh 1 (Ấp Bắc 1)	Xã Tân Điền	2021	0,69
16	Đường kênh Suồn - Hòa Bình	Xã Bình Nghị	2021	0,30
17	Đường Thạnh Hòa - Khu 2	Xã Bình Nghị	2021	0,19
18	Mở rộng Đường Đồng Văn Giận	Xã Phước Trung	2021	0,06
19	Mở rộng Đường Nguyễn Văn Sáng	Xã Phước Trung	2021	0,21
20	Mở rộng Đường Trần Văn Chí (nối dài)	Xã Phước Trung	2021	0,08
21	Đường Tư Thành	Xã Phước Trung	2021	0,90
22	Đường cấp kênh 10 Thôi (ấp Nghĩa Chí)	Xã Phước Trung	2021	1,02
23	Đường vào khu tái định cư ấp Đèn Đỏ	Xã Tân Thành	2021	0,15
24	Đường kinh Ngang Trên	Xã Tân Thành	2021	0,23
25	Đường kinh Ngang Dưới	Xã Tân Thành	2021	0,18
26	Đường liên ấp Cầu Muống - Bà Canh - Cây Bàng	Xã Tân Thành	2021	0,21

**\* Đất thủy lợi**

Diện tích năm 2020 là 67,12 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 67,35 ha, chiếm 9,73% diện tích đất phát triển hạ tầng. Diện tích năm 2021 tăng 0,23 ha so với hiện trạng năm 2020 do kế hoạch thực hiện Bờ kè phía Tây Sông Long ũng (đoạn cầu Tân Hòa đến cầu Nguyễn Văn Côn) trên địa bàn TT Tân Hòa, chuyển từ đất trồng cây lâu năm.

**\* Đất công trình năng lượng:**

Diện tích năm 2020 là 0,25 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 18,79 ha, chiếm 2,71% diện tích đất phát triển hạ tầng. Diện tích năm 2021 tăng 18,54 ha so với hiện trạng năm 2020.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 diện tích đất công trình năng lượng tăng 18,54 ha do chuyển từ đất trồng lúa (6,14 ha), đất trồng cây lâu năm (5 ha), đất nuôi trồng thủy sản (4,25 ha). Bao gồm thực hiện công trình như sau:



**Bảng 17: Danh mục công trình đất công trình năng lượng năm 2021**

Số thứ tự	Tên công trình	Địa điểm	Năm thực hiện	Diện tích tăng thêm (ha)
<b>I</b>	<b>Đất năng lượng</b>			<b>18,54</b>
1	Dự án Trang trại nông nghiệp công nghệ cao kết hợp năng lượng mặt trời áp mái 1MW	Xã Phước Trung	2021	1,29
2	Nhà máy điện gió Tân Phú Đông 1	Xã Phước Trung, Tăng Hòa, Tân Thành	2021	7,00
3	Nhà máy điện gió Tân Phú Đông 2	Xã Tân Thành	2021	10,25

**\* Đất công trình bưu chính viễn thông**

Diện tích năm 2020 là 0,57 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 0,57 ha, chiếm 0,08% diện tích đất phát triển hạ tầng. Diện tích năm 2021 không thay đổi so với hiện trạng năm 2020.

**\* Đất chợ**

Diện tích năm 2020 là 3,06 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 3,06 ha, chiếm 0,44% diện tích đất phát triển hạ tầng. Diện tích năm 2021 không thay đổi so với hiện trạng năm 2020.

**\* Đất công trình công cộng khác**

Diện tích năm 2020 là 0,19 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 0,19 ha, chiếm 0,03% diện tích đất phát triển hạ tầng. Diện tích năm 2021 không thay đổi so với hiện trạng năm 2020.

**3.2.8. Đất có di tích lịch sử - văn hóa**

Diện tích đất di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn huyện năm 2020 là 2,41 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 7,30 ha, tăng 4,89 ha so với hiện trạng năm 2020, chiếm 0,10% diện tích đất phi nông nghiệp.

Trong KHSDĐ năm 2021 dự kiến đất di tích lịch sử tăng 4,89 ha do quy hoạch mở rộng đền thờ Anh hùng dân tộc Trương Định trên địa bàn xã Gia Thuận, chuyển từ đất trồng lúa 4,72 ha, chuyển từ đất cây hàng năm khác 0,14 ha, chuyển từ đất ở nông thôn 0,03 ha.

**3.2.9. Đất bãi thải, xử lý chất thải**

Diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải trên địa bàn huyện năm 2020 là 2,45 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 2,45 ha, chiếm 0,03% diện tích đất phi nông nghiệp. Năm 2021 sử dụng ổn định so với hiện trạng năm 2020.

**3.2.10. Đất ở tại nông thôn**

Diện tích đất ở tại nông thôn trên địa bàn huyện năm 2020 là 751,70 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 778,27 ha, chiếm 10,61% diện tích đất phi

nông nghiệp. Diện tích năm 2021 tăng 26,57 ha so với hiện trạng năm 2020.

Năm 2021 dự kiến số hộ tăng thêm có nhu cầu về đất ở của người dân trên địa bàn là 321 hộ. Căn cứ vào quy định của luật đất đai về định mức đất ở, căn cứ vào quỹ đất của địa phương. Kế hoạch sử dụng đất ở nông thôn trong năm 2021 bố trí đất ở cho số hộ này với định mức là 300 m<sup>2</sup>/hộ, diện tích tăng 9,62 ha. Bên cạnh đó, trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 diện tích đất ở nông thôn còn tăng thêm 17,17 ha do dự kiến thực hiện các khu - cụm dân cư nông thôn kết hợp thương mại dịch vụ như sau:

**Bảng 18: Danh mục công trình khu - cụm dân cư nông thôn năm 2021**

Số thứ tự	Tên công trình	Địa điểm	Năm thực hiện	Diện tích tăng thêm (ha)
<b>I</b>	<b>Đất khu dân cư nông thôn</b>			<b>26,79</b>
1	Khu dân cư nông thôn kết hợp thương mại dịch vụ hai bên đường tỉnh 871B đoạn cuối nối với cụm công nghiệp Gia Thuận 1	Xã Gia Thuận	2021	11,86
2	Khu tái định cư ấp Đền Đỏ xã Tân Thành	Xã Tân Thành	2021	5,31
3	Bố trí đất ở nông thôn cho các hộ dân	Các xã		9,62

Vậy kế hoạch sử dụng đất năm 2021 diện tích đất ở nông thôn tăng 26,79 ha. Được sử dụng từ các loại đất như:

- + Đất trồng lúa 10,44 ha;
- + Đất trồng cây hàng năm 2,71 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm 2,08 ha;
- + Đất nuôi trồng thủy sản 11,56 ha;

Ngoài ra, kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đất ở nông thôn giảm 0,22 ha do chuyển sang đất giao thông (0,03 ha), chuyển sang đất di tích (0,03 ha) chuyển sang đất cơ sở tôn giáo (0,08 ha), chuyển sang đất trụ sở cơ quan (0,08 ha). Vì vậy, diện tích kế hoạch năm 2021 đất ở nông thôn thực tăng so với hiện trạng năm 2020 là 26,57 ha.

***Phát triển cụm, tuyến dân cư:***

Nhằm phát triển các tuyến, cụm dân cư tập trung gắn với xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và hạ tầng để tạo điều kiện cho xây dựng nông thôn mới theo hướng đô thị hóa và hiện đại hóa, tạo lực hút các hộ hiện sống rải rác và các điểm dân cư phân tán vào cụm, tuyến dân cư tập trung.

Trong kế hoạch năm 2021 dự kiến phát triển các tuyến dân cư cặp các tuyến đường tỉnh 862, 871, 871B, 871C, 873B, các tuyến đường huyện, và dọc theo các tuyến đường liên xã,.... Các tuyến dân cư được kết hợp với các cơ sở sản

xuất kinh doanh và thương mại - dịch vụ. Tuyến dân cư cấp đường tính mỗi tuyến có chiều sâu khoảng 100 m, tính từ mốc lộ giới. Tuyến dân cư cấp các đường huyện mỗi tuyến có chiều sâu khoảng 80 m, tính từ mốc lộ giới. Tuyến dân cư cấp đường liên xã, trục xã, giao thông thủy lợi nội đồng (có mặt đường từ 2 m trở lên) có chiều sâu mỗi tuyến khoảng 60 m. Trên các tuyến dân cư sẽ bố trí nhà ở, công trình phụ, đất canh tác nông nghiệp, chăn nuôi... kết hợp theo mô hình kinh tế VAC. Việc bố trí các tuyến dân cư phải đáp ứng được yêu cầu về an toàn giao thông đồng thời đảm bảo các điều kiện về nguồn nước, môi trường sinh thái.

### **3.2.11. Đất ở tại đô thị**

Diện tích đất ở tại đô thị trên địa bàn huyện năm 2020 là 87,37 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 88,76 ha, chiếm 1,21% diện tích đất phi nông nghiệp. Diện tích năm 2021 tăng 1,39 ha so với hiện trạng năm 2020.

Trong năm 2021, dự kiến số hộ có nhu cầu về đất ở của người dân đô thị trên địa bàn huyện khoảng 64 hộ. Căn cứ vào quy định của Luật đất đai về định mức đất ở đô thị, căn cứ vào quỹ đất của địa phương. Kế hoạch sử dụng đất ở đô thị trong năm 2021 bố trí đất ở đô thị với định mức là 250 m<sup>2</sup>/hộ, vậy diện tích đất tăng 1,59 ha. Diện tích đất ở đô thị tăng được sử dụng từ các loại đất sau:

- + Đất trồng lúa: 0,77 ha;
- + Đất trồng cây hàng năm khác: 0,20 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm: 0,20 ha;
- + Đất trồng nuôi trồng thủy sản: 0,42 ha.

Ngoài ra trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 diện tích đất ở đô thị giảm 0,20 ha, do chuyển sang đất giao thông. Vì vậy, diện tích năm 2021 thực tăng 1,39 ha so với hiện trạng năm 2020.

### **3.2.12. Đất xây dựng trụ sở cơ quan**

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan trên địa bàn huyện năm 2020 là 9,79 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 10,51 ha, chiếm 0,14% diện tích đất phi nông nghiệp. Diện tích kế hoạch năm 2021 tăng 0,73 ha so với hiện trạng năm 2020.

Trong năm 2021, dự kiến đất trụ sở cơ quan tăng 0,73 ha do chuyển từ đất trồng cây lâu năm (0,23 ha), chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản (0,13 ha), chuyển từ đất sản xuất phi nông nghiệp (0,06 ha), chuyển từ đất văn hóa (0,04 ha), chuyển từ đất ở nông thôn (0,08 ha), chuyển từ đất sinh hoạt cộng đồng (0,06 ha) chuyển từ đất sông rạch (0,12 ha). Bao gồm thực hiện các công trình sau:

**Bảng 19: Danh mục công trình trụ sở cơ quan năm 2021**

Số thứ tự	Tên công trình	Địa điểm	Năm thực hiện	Diện tích tăng thêm (ha)
<b>I</b>	<b>Đất trụ sở cơ quan</b>			<b>0,73</b>
1	Trụ sở Công an xã Tân Phước	Xã Tân Phước	2021	0,12
2	Trụ sở công an xã Bình Nghị	Xã Bình Nghị	2021	0,10
3	Trụ sở công an xã Gia Thuận	Xã Gia Thuận	2021	0,17
4	Trụ sở công an xã Phước Trung	Xã Phước Trung	2021	0,13
5	Trụ sở công an xã Tân Tây	Xã Tân Tây	2021	0,11
6	Trụ sở Công an xã Tân Đông	Xã Tân Đông	2021	0,10

### 3.2.13. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp

Diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp trên địa bàn huyện năm 2020 là 0,81 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 0,81 ha, chiếm 0,01% diện tích đất phi nông nghiệp. Năm 2021 sử dụng ổn định so với hiện trạng năm 2020.

### 3.2.14. Đất cơ sở tôn giáo

Diện tích đất cơ sở tôn giáo trên địa bàn huyện năm 2020 là 12,29 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 12,41 ha, chiếm 0,17% diện tích đất phi nông nghiệp. Trong năm 2021 tăng 0,12 ha so với hiện trạng năm 2020 do thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm (0,04 ha) và đất ở nông thôn (0,08 ha) sang đất tôn giáo (chùa Hương Quang thuộc xã Tân Đông).

### 3.2.15. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng

Diện tích đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng trên địa bàn huyện năm 2020 là 109,90 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 109,90 ha không thay đổi so với hiện trạng năm 2020.

### 3.2.16. Đất sinh hoạt cộng đồng

Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng trên địa bàn huyện năm 2020 là 3,51 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 3,48 ha, giảm 0,03 ha so với hiện trạng năm 2020. Trong KHSDD năm 2021 dự kiến loại đất tăng 0,03 ha do kế hoạch thực hiện trụ sở ấp 4 trên địa bàn xã Tân Phước, lấy từ đất trồng cây lâu năm, và dự kiến giảm 0,06 ha do quy hoạch trụ sở công an xã Bình Nghị. Vì vậy mà đất sinh hoạt cộng đồng thực giảm là 0,03 ha.

### 3.2.17. Đất khu vui chơi giải trí công cộng

Diện tích đất khu vui chơi giải trí công cộng trên địa bàn huyện năm 2020 là 9,58 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 9,58 ha không thay đổi so với hiện trạng năm 2020.

### **3.2.18. Đất cơ sở tín ngưỡng**

Diện tích đất cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn huyện năm 2020 là 12,55 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 12,55 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2020.

### **3.2.19. Đất sông, rạch**

Diện tích đất sông, rạch trên địa bàn huyện năm 2020 là 4.825,08 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 4.795,42 ha, chiếm 65,40% diện tích đất phi nông nghiệp, giảm 29,66 ha so với hiện trạng năm 2020.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 diện tích đất sông, rạch giảm 29,66 ha do chuyển sang đất sản xuất phi nông nghiệp (18,95 ha), chuyển sang đất thương mại dịch vụ (10,11 ha), chuyển sang đất trụ sở cơ quan (0,12 ha), chuyển sang đất phi nông nghiệp khác (0,48 ha).

### **3.2.20. Đất phi nông nghiệp khác**

Diện tích đất phi nông nghiệp khác trên địa bàn huyện năm 2020 là 4,18 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 4,66 ha, chiếm 0,06% diện tích đất phi nông nghiệp, diện tích năm 2021 tăng 0,48 ha so với hiện trạng năm 2020, do kế hoạch thực hiện lấp kênh cấp đê Cửa Tiểu - đoạn từ rạch Góc đến kênh rạch Sâu trên địa bàn xã Tân Thành.

## **3.3. Đất chưa sử dụng:**

Diện tích đất chưa sử dụng trên địa bàn huyện năm 2020 là 4.207,46 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2021 là 4.207,46 ha, chiếm 13,97% tổng diện tích tự nhiên. Diện tích năm 2021 không thay đổi so với hiện trạng năm 2020.

## **4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích**

### **4.1. Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp**

Diện tích chuyển mục đích sử dụng trong năm 2021 là 259,65 ha, trong đó: từ đất trồng lúa 33,01 ha; đất trồng cây hàng năm khác 18,89 ha; đất trồng cây lâu năm 16,01 ha; đất rừng phòng hộ 174,39 ha; đất nuôi trồng thủy sản 17,35 ha.

Phân theo đơn vị hành chính cấp xã: Thị trấn Tân Hòa: 3,07 ha; thị trấn Vàm Láng: 4,08 ha; xã Tăng Hòa: 4,10 ha; xã Tân Phước: 2,63 ha; xã Gia Thuận: 196,76 ha; xã Tân Tây: 6,13 ha; xã Kiểng Phước: 5,58 ha; xã Tân Đông: 3,48 ha; xã Bình Ân: 1,96; xã Tân Điền: 1,92 ha; xã Bình Nghị: 2,12 ha; xã Phước Trung: 7,48 ha; xã Tân Thành: 20,35 ha.

### **4.2. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp**

Trong năm kế hoạch 2021 chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp bao gồm:

- Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm: 105,40 ha.

Được phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

- Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm: Thị trấn Tân Hòa: 0,5 ha; xã Tăng Hòa: 6,00 ha; xã Tân Phước: 5,40 ha; xã Gia Thuận: 8,30 ha; xã Tân Tây: 20 ha; xã Kiểng Phước: 10,00 ha; xã Tân Đông: 0,5 ha; xã Bình Ân: 7,00 ha; xã Tân Điền: 10,00 ha; xã Bình Nghị: 7,00 ha; xã Phước Trung: 18,00 ha; xã Tân Thành: 12,00 ha.

### **5. Diện tích đất cần thu hồi**

Diện tích đất cần thu hồi trong năm 2021 là 265,27 ha, trong đó thu hồi đất nông nghiệp (231,27 ha) và đất phi nông nghiệp (34 ha), bao gồm:

Thu hồi các loại đất nông nghiệp:

- Đất trồng lúa: 24,80 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác: 15,98 ha;
- Đất trồng cây lâu năm: 13,73 ha;
- Đất rừng phòng hộ: 174,39 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 5,37 ha;

Thu hồi các loại đất phi nông nghiệp:

- Đất khu công nghiệp: 2,65 ha;
- Đất thương mại dịch vụ: 1,11 ha;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,06 ha;
- Đất văn hóa: 0,04 ha;
- Đất ở nông thôn: 0,22 ha;
- Đất ở đô thị: 0,20 ha;
- Đất sinh hoạt cộng đồng: 0,06 ha;
- Đất sông, kênh, rạch: 29,66 ha.

Phân theo đơn vị hành chính cấp xã: Thị trấn Tân Hòa: 2,61 ha; thị trấn Vàm Láng: 4,26 ha; xã Tăng Hòa: 3,34 ha; xã Tân Phước: 1,68 ha; xã Gia Thuận: 214,57 ha; xã Tân Tây: 5,09 ha; xã Kiểng Phước: 5,87 ha; xã Tân Đông: 2,83 ha; xã Bình Ân: 1,19 ha; Tân Điền: 1,34 ha; xã Bình Nghị: 1,23 ha; xã Phước Trung: 6,68 ha; xã Tân Thành: 14,49 ha.

### **6. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất**

#### **7.1. Căn cứ pháp lý**

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
- Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;
- Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 16/12/2014 của UBND tỉnh Tiền Giang về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;
- Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (2016 - 2021) trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 44/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **6.2. Phương pháp tính toán khoản thu, chi liên quan đến đất đai**

- Tính các khoản thu: bao gồm thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, lệ phí địa chính,...
- Tính các khoản chi: bao gồm chỉ tính toán về bồi thường đất và hỗ trợ về đất; các chi phí về bồi thường tài sản gắn liền với đất như nhà ở, công trình khác, mồ mả, cây cối, hoa màu,... chưa được tính toán; việc tính toán các chi phí này sẽ được tính toán cụ thể, chi tiết khi triển khai lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của chủ đầu tư công trình, dự án; phải phối hợp với Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện và các cơ quan liên quan.

Việc tính toán các khoản thu từ đấu giá, chuyển quyền sử dụng đất ở, sẽ kéo dài nhiều năm mới có được số tiền dự toán. Nhưng chi phí bồi thường đất phải có bố trí trong năm 2021 và vì vậy dự toán thu chi chỉ mang tính khái toán, có độ chính xác chưa cao nhưng đó là một trong những cơ sở để các chủ đầu tư xác định được nguồn vốn phải cần có để thực hiện bồi thường, thu hồi chuyển mục đích sử dụng đất, hỗ trợ bồi thường đất nông nghiệp,...

## **6.3. Dự kiến thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch 2021**

- Tổng thu: 439.458 triệu đồng
- Tổng chi: 137.080 triệu đồng
- Cân đối: 302.378 triệu đồng

**Bảng 20: Dự kiến thu chi liên quan đất đai năm 2021**

STT	Hạng mục	Tổng (triệu đồng)
<b>A</b>	<b>Thu từ đất</b>	<b>439.458</b>
<b>I</b>	<b>Giao đất có thu tiền SDD</b>	<b>343.400</b>
1	Khu dân cư nông thôn kết hợp thương mại dịch vụ hai bên đường tỉnh 871B đoạn cuối nối với cụm công nghiệp Gia Thuận 1	237.200
2	Khu tái định cư ấp Đền Đỏ xã Tân Thành	106.200
<b>II</b>	<b>Thuê đất</b>	<b>9.992</b>
1	Đất thương mại dịch vụ	6.775
2	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	3.217
<b>III</b>	<b>Chuyển mục đích sử dụng đất</b>	<b>13.454</b>
1	Chuyển mục đích sử dụng đất ở nông thôn	5.904
2	Chuyển mục đích sử dụng đất ở đô thị	7.550
<b>IV</b>	<b>Thu từ thuế TNCN</b>	<b>40.300</b>
<b>V</b>	<b>Thu từ đấu giá, cho thuê quyền sử dụng đất</b>	<b>31.213</b>
<b>VI</b>	<b>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</b>	<b>300</b>
<b>VII</b>	<b>Lệ phí cấp giấy</b>	<b>800</b>
<b>B</b>	<b>Chi từ đất</b>	<b>137.080</b>
<b>I</b>	<b>Bồi thường thiệt hại về đất</b>	<b>96.706</b>
1	Đất quốc phòng an ninh	12.668
2	Đất khu công nghiệp	
1	Đất cụm công nghiệp	15.625
4	Đất khu dân cư, cụm dân cư	22.145
2	Đất phát triển hạ tầng	33.768
3	Các loại đất khác	12.500
<b>II</b>	<b>Hỗ trợ bồi thường đất nông nghiệp</b>	<b>40.374</b>
	<b>Tổng</b>	<b>302.378</b>



### **PHẦN III**

#### **GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

Để kế hoạch sử dụng đất có tính khả thi cao, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng đất và hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong năm 2021. Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, cần phải thực hiện các giải pháp như sau:

#### **I. GIẢI PHÁP VỀ BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.**

Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện khuyến cáo nguy cơ gây ô nhiễm môi trường do sản xuất nông nghiệp sử dụng ngày càng nhiều thuốc bảo vệ thực vật. Tuyên truyền người dân sử dụng đất nâng cao độ phì nhiêu của đất, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và bảo vệ môi trường.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường công tác quản lý môi trường trên địa bàn huyện, tổ chức tốt hoạt động quản lý môi trường, nâng cao năng lực của bộ máy nhà nước về quản lý môi trường trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, tiểu thủ công nghiệp, trong các khu vực dân cư nông thôn. Đặc biệt trong thời gian tới công tác quản lý môi trường cần quan tâm sâu sắc ở các khu, cụm công nghiệp đang hình thành trên địa bàn của huyện.

Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư trang thiết bị sản xuất hiện đại, cũng như trang thiết bị xử lý các tác động môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân và các tổ chức, doanh nghiệp về bảo vệ môi trường, xem công tác bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội.

Đối với các dự án đầu tư trên địa bàn, trước khi phê duyệt dự án cần bắt buộc thực hiện việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát khi các dự án đi vào hoạt động. Đồng thời kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về bảo vệ môi trường.

Tuyên truyền phổ biến sâu rộng về tác động của biến đổi khí hậu đến nhân dân trong huyện để tự giác, chủ động phòng chống.

Xây dựng kế hoạch hành động chi tiết để ứng phó chủ động, giảm thiểu thiệt hại.

Lắp đặt hệ thống quan trắc, cảnh báo ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đối với nông nghiệp, nông thôn ở những khu vực nhạy cảm thuộc vùng ven biển, cửa sông.

## **II. XÁC ĐỊNH CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.**

### **1. GIẢI PHÁP VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN.**

Sau khi kế hoạch sử dụng đất được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện cần tổ chức triển khai thực hiện công bố công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2021:

+ Đến các phòng ban, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

+ Và tại Ủy ban nhân dân huyện, phòng Tài nguyên và Môi trường trong suốt thời gian kế hoạch sử dụng đất có hiệu lực.

Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đất trồng lúa sang sử dụng vào các mục đích khác không đúng kế hoạch đã được duyệt; việc sử dụng đất đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, có hiệu quả đặc biệt đối với diện tích đất trồng lúa chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn căn cứ theo kế hoạch sử dụng đất của huyện đã được duyệt, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất thuộc phạm vi ranh giới hành chính xã, thị trấn mình quản lý nhằm thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật.

Thực hiện tốt cơ chế, chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án, đặc biệt là công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục người dân cam kết giải phóng mặt bằng, bàn giao đất cho Chủ đầu tư thực hiện các công trình, dự án đảm bảo theo đúng tiến độ. Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nguồn vốn đầu tư trong mọi lĩnh vực, lựa chọn các nhà đầu tư chiến lược, có đầy đủ năng lực tài chính để thực hiện tốt các công trình dự án được giao, đem lại hiệu quả và phát huy được tiềm năng của đất.

Thực hiện tốt công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo thẩm quyền phải đảm bảo phù hợp với kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

Áp dụng các biện pháp cụ thể để quản lý, thực hiện và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất nhằm đảm bảo tính thống nhất, đúng tiến độ và đúng mục đích sử dụng đất được duyệt theo đúng quy định của Luật Đất đai.

Ngoài ra với vai trò là cơ quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn, phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Chủ trì phối hợp với các phòng ban, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tuyên truyền và triển khai thực hiện nội dung của kế hoạch.

+ Xây dựng kế hoạch quản lý, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất nhằm đạt hiệu quả cao.

+ Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của Pháp luật.

Từng bước đầu tư hoàn thiện hệ thống thủy lợi, hoàn chỉnh hệ thống đê biển, đê sông, hệ thống công điều tiết và các hạ tầng kỹ thuật khác phục vụ sản xuất nông nghiệp và đảm bảo đời sống của nhân dân.

## **2. GIẢI PHÁP VỀ TUYÊN TRUYỀN.**

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về đất đai đến từng người dân. Thực hiện cải cách các thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa liên thông”, giảm thời gian thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi để người sử dụng đất thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Sau khi kế hoạch sử dụng đất được Ủy ban nhân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thông báo đến các phòng ban chuyên môn, các tổ chức chính trị, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn để công bố kế hoạch sử dụng đất và công khai kế hoạch sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân huyện, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên panô - áp phích, lồng ghép với các hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết và thực hiện đúng kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

## **3. GIẢI PHÁP CHỐNG HẠN, MẶN BẢO VỆ SẢN XUẤT.**

- Xuống giống đúng lịch thời vụ để tránh thiếu nước ở cuối vụ.
- Thực hiện đề án cắt vụ, chuyển đổi mùa vụ và cơ cấu cây trồng: cắt vụ đối với những diện tích trẻ vụ, chuyển đổi mùa vụ theo hướng sản xuất Đông Xuân sớm (thu hoạch trong tháng 2) đối với những diện tích cuối nguồn.
- Ngăn mặn triệt để, phối hợp gia cố sửa chữa kịp thời những cống qua đê không đảm bảo ngăn mặn.
- Tập trung giải phóng các chướng ngại vật lòng kênh, giữ vệ sinh nguồn nước, tập trung trực vớt lục bình, rong cỏ... đảm bảo thông thoáng các tuyến kênh, rạch trên địa bàn huyện.
- Theo dõi chặt chẽ tình hình nguồn nước vùng trũng Tân Điền và Tân Thành để có kế hoạch tiêu úng hợp lý khi Dự án ngọt hóa Gò Công trữ nước.
- Thường xuyên cập nhật và thông báo diễn biến tình hình mặn kịp thời cho người dân để có kế hoạch chủ động tích trữ nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt.
- Khẩn trương triển khai đầu tư nạo vét các công trình thủy lợi phục vụ công tác phòng chống hạn, mặn đảm bảo sản xuất.

#### **4. GIẢI PHÁP CẤP NƯỚC SINH HOẠT TRONG SUỐT MÙA KHÔ VÀ ỨNG PHÓ VỚI Ô NHIỄM NGUỒN NƯỚC.**

**\* Giải pháp trước mắt:**

- Nạo vét, vệ sinh các ao chứa để tăng khả năng trữ ngọt cho các ao chứa của các trạm cấp nước trong mùa khô.

- Tuyên truyền vận động người dân giữ gìn vệ sinh nguồn nước, tăng cường trữ nước và sử dụng nước tiết kiệm.

- Mở vòi nước công cộng cho nhân dân ở các khu vực ven biển, ven sông, các hộ sống phân tán chưa có nước từ trạm cấp nước tập trung.

- Đầu tư tuyến ống chuyển tải và phân phối nước sinh hoạt phục vụ cho người dân

**\* Giải pháp lâu dài:**

- Triển khai xây dựng giai đoạn 2 của Dự án “Xây dựng mạng lưới đường ống tiếp nhận nước sạch từ hệ thống cấp nước Đồng Tâm phân phối cho thị xã Gò Công và huyện Gò Công Đông”

- Từ năm 2020 về sau tiếp tục đầu tư cải tạo nâng cấp và lắp đặt tuyến ống chuyển tải, phân phối phục vụ cho hộ dân chưa có nguồn nước sạch phục vụ sinh hoạt.

- Tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân huyện các giải pháp chủ động ứng phó với hạn, mặn, không để xảy ra tình trạng người dân thiếu nước sinh hoạt.

- Kiểm tra, giám sát hoạt động của các điểm cấp nước công cộng và thanh quyết toán kinh phí với Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Tiền Giang. Tổng hợp báo cáo tình hình hoạt động và chi phí phục vụ nước sinh hoạt cho nhân dân khi kết thúc mùa khô.

- Phòng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp các ngành huyện tổ chức kiểm tra chất lượng nước cung cấp của các trạm cấp nước.

- Phòng Tài nguyên – Môi trường phối hợp các ngành huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tuyên truyền vận động nhân dân giữ gìn vệ sinh nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm.

- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn: Đề xuất thời gian, địa điểm mở vòi nước công cộng, phân công người quản lý vòi, thường xuyên kiểm tra tình hình hoạt động của các điểm cấp nước công cộng để tránh thất thoát, lãng phí.

#### **5. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC, VỐN ĐẦU TƯ.**

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng tầm cán bộ theo dõi và thực hiện quy hoạch đồng thời bố trí đủ cán bộ thực hiện quy hoạch đặc biệt là ở cấp huyện và xã. Qua các khóa đào tạo nhằm phát triển năng lực của cán bộ ở đúng vị trí, mang lại hiệu quả công việc cao.

Phòng Tài chính kế hoạch tham mưu UBND huyện thực hiện tốt các giải pháp huy động nguồn vốn như: Tranh thủ nguồn vốn và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách của trung ương, tỉnh,... để đầu tư xây dựng các công trình dự án trong năm kế hoạch. Đây mạnh khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế trong và ngoài huyện đầu tư hoặc liên kết, liên doanh phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện. Trong đó chú trọng tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đăng ký kinh doanh, cấp giấy phép đầu tư, đền bù giải tỏa,... hỗ trợ các doanh nghiệp nông nghiệp trong quá trình đối tác với nông dân liên kết xây dựng và phát triển các vùng sản xuất chuyên canh.

Phòng Tài nguyên và môi trường, Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất phối hợp với các ban ngành, UBND các xã, thị trấn lập kế hoạch tăng cường các nguồn thu từ đất, đặc biệt là dành quỹ đất thích hợp cho đấu giá quyền sử dụng đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng và phục vụ công tác quản lý đất đai.

UBND cấp xã thực hiện các giải pháp vận động nhân dân hiến đất, góp vốn, xã hội hóa nguồn vốn để xây dựng các công trình dự án phục vụ cho mục đích công cộng như: đường giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng, sinh hoạt cộng đồng,...

Thu hút các nguồn lực xã hội, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, phát triển, tiếp tục thực hiện chủ trương “Nhà nước và nhân dân cùng làm” đóng góp xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên địa bàn huyện. Có kế hoạch đầu tư các công trình trọng điểm, không dàn trải và có tính hữu dụng cao.

## **6. GIẢI PHÁP VỀ CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ.**

UBND huyện cần thường xuyên chỉ đạo UBND các xã, thị trấn; các ban, ngành cấp huyện hướng dẫn các tổ chức, đơn vị và hộ gia đình cá nhân sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt chỉ đạo, hướng dẫn các ban ngành, UBND các xã thực hiện một số nội dung sau:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp các ban ngành và UBND các xã trong việc xây dựng chương trình, công tác cụ thể và triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được công bố. Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trên địa bàn huyện trong việc thực hiện kế hoạch năm 2021. Đồng thời báo cáo định kỳ về UBND huyện về kết quả thực hiện kế hoạch năm 2021.

- Các ban ngành huyện: Phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường và UBND các xã nghiêm túc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện. Đồng thời căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được UBND tỉnh phê duyệt các ban, ngành huyện có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh quy hoạch kế hoạch của ngành mình thống nhất với kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện.

- Các ngành, UBND các xã: Thực hiện cập nhật dữ liệu vào hệ thống thông tin quản lý đất đai tại cơ sở để giúp cho UBND các cấp, cơ quan Tài nguyên Môi trường làm tốt công tác quản lý nhà nước về đất đai.

- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, đầu tư cải tạo làm tăng độ màu mỡ, bảo vệ môi trường sinh thái. Hàng năm nếu có nhu cầu thực hiện các công trình, dự án có sử dụng đất phải thực hiện đăng ký nhu cầu sử dụng đất, thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật, phù hợp với kế hoạch sử dụng đất, thực hiện giám sát và phản ánh các trường hợp sai phạm trong lập, công bố kế hoạch sử dụng đất và kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền đối với những hành vi vi phạm trong quản lý, sử dụng đất.

## **PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **I. KẾT LUẬN**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện được xây dựng trên cơ sở tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các ngành, địa phương và căn cứ vào điều tra đánh giá hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước đồng thời là cơ sở để thực hiện thu hồi đất chuyển mục đích sử dụng, giao đất, cho thuê đất và phù hợp với mục tiêu chung về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường, đặc biệt là tài nguyên đất đai.

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện đã nghiên cứu toàn diện về những thuận lợi và khó khăn của điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020 đã được phê duyệt và xác định những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân để làm cơ sở lập kế hoạch sử dụng đất năm 2021.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 xác định được nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực, để thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh, là căn cứ để thực hiện thu hồi đất chuyển mục đích sử dụng, giao đất, cho thuê đất, phát huy nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, phát triển bền vững.

Kết quả việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2021 xác định được ranh giới trên bản đồ, chi tiết hiện trạng sử dụng các loại đất, cụ thể từng dự án trên bản đồ,... Vì vậy, sẽ có nhiều thuận lợi trong quản lý đất đai, xây dựng và thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm, cập nhật biến động đất đai. Tham mưu, đề xuất với các ngành, cấp trên.

Phương án kế hoạch sử dụng đất về cơ bản đã đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực trên địa bàn huyện, đảm bảo thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương năm 2021, đảm bảo tính kế thừa, có cơ sở khoa học và mang tính khả thi.

### **II. KIẾN NGHỊ**

Để kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện đạt hiệu quả cao, phát huy hết tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Hướng người sử dụng đất vào việc khai thác và sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tính thống nhất trong quản lý sử dụng đất. Đề nghị UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường sớm tổ chức thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất để địa phương đủ căn cứ tổ chức thực hiện nhằm tăng cường công tác quản lý và sử dụng đất đúng pháp luật và hiệu quả hơn.